

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro về kinh tế	3
2. Rủi ro về pháp luật	3
3. Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực xây dựng	4
4. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu	4
5. Rủi ro phát hành	4
6. Rủi ro pha loãng	6
7. Rủi ro về tỷ giá.....	7
8. Rủi ro khác.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ NHÓM TỪ VIẾT TẮT.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.	16
5. Danh sách những Công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những Công ty mà tổ chức đăng ký phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	17
6. Hoạt động kinh doanh	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.....	31
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32
9. Chính sách đối với người lao động	35
10. Chính sách cổ tức	37
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	37
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	42

13. Tài sản	59
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2011	59
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	59
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	60
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu	60
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	61
1. Loại cổ phiếu:	61
2. Mệnh giá:	61
3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	61
4. Giá chào bán dự kiến.....	61
5. Phương pháp tính giá	61
6. Phương thức phân phối	61
7. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán:	62
8. Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu	62
9. Đăng ký mua cổ phiếu	62
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài	64
11. Các loại thuế có liên quan.....	64
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	64
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	64
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	65
1. Mục đích chào bán	65
2. Phương án khả thi.....	65
3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	74
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	74
a. Tổ chức tư vấn phát hành.....	75
b. Tổ chức kiểm toán	75
VIII. PHỤ LỤC.....	75

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ phát triển kinh tế có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Sự tăng trưởng hoặc giảm sút của tốc độ phát triển kinh tế sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến sự tăng giảm của thị trường xây dựng từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty.

Từ năm 2009 đến giữa năm 2010 dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam có nhiều diễn biến phức tạp: lạm phát, lãi suất tăng cao, tỷ giá biến động... đã làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm. Việt Nam đã phải hết sức nỗ lực kiểm soát lạm phát và phải đối mặt với những thâm hụt thương mại ngày càng tăng. Ngân hàng Nhà nước đã phải hạ giá đồng Việt Nam lần đầu tiên trong năm 2009 vào tháng 11. Giá VND sau đó giảm 3,4% , dẫn tới thâm hụt 8,3% trong vòng 12 tháng. Lạm phát đạt tới mức cao nhất trong vòng sáu tháng với 4,35% trong tháng 11, và cán cân thanh toán của quốc gia càng trở nên mất cân bằng do các thị trường xuất khẩu thì khan cầu mà giá hàng hóa tăng làm cho giá trị nhập khẩu tăng. Xuất khẩu giảm 14% trong 10 tháng đầu năm 2009, và thâm hụt thương mại tăng từ 1,8 tỷ USD trong 09 tháng lên 1,9 tỷ USD. Trong khủng hoảng, các quỹ đầu tư ò ạt ra khỏi quốc gia. Thâm hụt tài khoản tài chính đã tới 05 tỷ USD so với mức 1,6 tỷ trong năm tài khóa 2008.

Chính vì vậy, năm 2009, Chính phủ đã chủ trương tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ngăn chặn suy giảm kinh tế và nhất là áp dụng các biện pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng nhằm ổn định sản xuất thông qua các biện pháp ổn định thị trường tài chính. Nền kinh tế nước ta trong năm 2010 tiếp tục phục hồi và đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2009, có thể lấy lại đà tăng trưởng như thời kỳ trước khủng hoảng và suy thoái kinh tế thế giới. Để làm được điều này, Chính phủ đã xác định cần thiết phải có các giải pháp hỗ trợ tiếp theo trong năm 2010, nhưng phải có điều chỉnh hợp lý về nội dung chính sách, phạm vi và mức độ hỗ trợ nhằm đảm bảo phục hồi nền kinh tế một cách vững chắc, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tạo tiền đề tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo.

Với những chính sách quyết liệt của Chính phủ cùng với những dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, có thể nói rủi ro về kinh tế trong thời gian tới là không cao đối với Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.

2. Rủi ro về pháp luật

Là Công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng

tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn bảo đảm theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

3. Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực xây dựng

Đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hiện tượng chiếm dụng vốn lẫn nhau giữa nhà thầu và chủ đầu tư, nhà thầu và các nhà cung ứng vật liệu diễn ra rất phổ biến. Việc chiếm dụng vốn có thể đem lại những lợi ích nhất định cho các nhà thầu xây lắp, tuy nhiên khi quá trình nghiệm thu quyết toán, giải ngân vốn đầu tư cần nhiều thời gian thì tiềm ẩn nhiều rủi ro về khả năng thanh toán của nhà thầu.

Các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán công trình trong xây dựng đặc biệt là các công trình hạ tầng cơ sở sử dụng nguồn vốn ngân sách là nguyên nhân có sự chênh lệch đáng kể giữa chỉ tiêu sản lượng thực hiện và doanh thu của các đơn vị xây lắp. Khi khoảng cách giữa sản lượng thực hiện và doanh thu càng lớn cho thấy khả năng thanh quyết toán công trình là không cao, ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả sử dụng vốn.

Trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các Công ty xây dựng nói chung và Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng nói riêng, đặc biệt là các khoản nợ phải thu.

4. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Trong hoạt động thi công xây lắp, chi phí vật liệu xây dựng thường chiếm trên 80% chi phí về giá vốn, chính vì vậy biến động nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong thời gian vừa qua nhiều hợp đồng xây dựng được ký với giá cố định trên cơ sở kết quả đấu thầu cạnh tranh thì việc tăng giá vật liệu xây dựng sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Để hạn chế bất cập này, hiện nay các doanh nghiệp đã cố gắng để ký hợp đồng thi công xây lắp với điều khoản điều chỉnh về giá tuy nhiên trên thực tế thời gian, thủ tục để được bù giá khi giá vật liệu xây dựng tăng cao thường khá lâu, ảnh hưởng lớn tới nguồn vốn lưu động của công ty.

5. Rủi ro phát hành

5.1. Rủi ro đợt chào bán

Đợt phát hành cổ phiếu Công ty sẽ phụ thuộc vào tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức phát hành, tâm lý, sự kỳ vọng của các nhà đầu tư, tính hấp dẫn cổ phiếu Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phiếu dự định phát hành. Trong trường hợp này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch sử dụng vốn và triển khai dự án của Công ty. Công ty

Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng có thể sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn để tài trợ cho dự án và có khả năng làm chậm tiến độ dự án so kế hoạch.

Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- + Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu. Xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.
- + Đồng thời Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh nếu phát sinh. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã duy trì được mối quan hệ tín dụng tốt với ngân hàng. Do vậy, trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết.

Toàn bộ phương án phát hành đã được gửi cho cổ đông để xin ý kiến và các cổ đông đã thông qua phương án phát hành với tỷ lệ biểu quyết cao. Do đó, tỷ lệ cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm chắc chắn sẽ cao. Với tình hình tài chính của Công ty, tính khả thi của dự án mà công ty đang triển khai đầu tư là rất lớn, Công ty luôn tin tưởng sẽ tạo được hấp dẫn và nhận được sự quan tâm từ các nhà đầu tư cá nhân hay tổ chức trong và ngoài nước. Vì vậy rủi ro của đợt chào bán này là không lớn.

5.2. Rủi ro của các dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.

Hiện tại, MCV đang triển khai thực hiện một cách hiệu quả các dự án liên quan đến các mảng khai thác mỏ, quặng kim loại và xây dựng các công trình thủy điện, điện gió như Dự án thăm dò, khảo sát và khai thác mỏ tại Muong Hom, Lào; Dự án Nhà máy điện gió Cầu Đất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tham gia đầu tư vào các dự án khả thi, có khả năng sinh lời cao thuộc các lĩnh vực bất động sản như Dự án tòa nhà VEC-CAVICO.

Trước khi quyết định đầu tư dự án, Công ty luôn nghiên cứu kỹ lưỡng tiềm năng, tính khả thi và hiệu quả của các dự án, từ đó sẽ chọn lựa đầu tư những dự án có hiệu quả cao. Tuy nhiên trong quá trình triển khai, các dự án chứa đựng những rủi ro nhất định về thị trường, nguồn vốn, giá nguyên liệu đầu vào, pháp lý ..v...v.. Cụ thể,

Đối với dự án Tòa nhà VEC-CAVICO, là một trong những dự án bất động sản được MCV nghiên cứu kỹ lưỡng và lựa chọn, dự án đang được thực hiện trên một lộ trình và về cơ bản hồ sơ pháp lý của dự án đã dần được hoàn tất. Tuy nhiên, do phải đợi các đơn vị đầu tư vào dự án này cần nộp đầy đủ tiền sử dụng đất và chi phí giải phóng mặt bằng để đủ điều kiện thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án trên vẫn đang trong quá trình chờ cấp phép. Điều này dẫn đến rủi ro là thời gian thực hiện dự án bị kéo dài và khoản đầu tư của dự án chịu nhiều biến động kinh tế trong tương lai.

Đối với dự án Khai thác mỏ và kim loại Muong Hom, Lào, MCV đã chuẩn bị khá đầy đủ về hồ sơ pháp lý và bước đầu đã hoàn thành giai đoạn I của dự án là tìm kiếm tổng thể trên diện

tích 500 km² tại huyện Muong Hom, Viên Chăn, Lào. Tuy nhiên đây là một dự án lớn đòi hỏi phải thực hiện các giai đoạn theo một quy trình chặt chẽ từ tìm kiếm tổng thể, thăm dò khảo sát, lập luận chứng kinh tế và báo cáo ảnh hưởng tới môi trường và xã hội, và tiến hành khai thác kim loại. Chính vì vậy, thời gian thực hiện dự án này là khá dài dẫn đến dự án chịu nhiều rủi ro về thị trường, nguồn vốn, tỷ giá, biến động của môi trường xung quanh ..v.v... ảnh hưởng tới tiến độ triển khai dự án và các đối tác hợp tác đầu tư dự án.

Đối với dự án Nhà máy Điện gió Cầu Đất, hồ sơ pháp lý dự án và lộ trình dự kiến thực hiện dự án đã được MCV chuẩn bị kỹ lưỡng và dự án đã có giấy chứng nhận đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, hiện tại Dự án Nhà máy điện gió Cầu Đất hiện đang trong giao đoạn Xin cấp phép, lập dự án, đền bù GPMB. Các đơn đối tác cùng MCV đầu tư vào dự án này cần nộp đầy đủ tiền thuê đất và chi phí giải phóng mặt bằng để đủ điều kiện thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án vẫn đang trong quá trình chờ cấp phép. Điều này dẫn đến rủi ro về thời gian của dự án bị kéo dài, đồng thời dẫn đến các rủi ro về thị trường, rủi ro về nguồn vốn, rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào.... Bên cạnh đó, quá trình thực hiện dự án cũng gặp nhiều khó khăn như khả năng huy động vốn cho dự án, tính thực thi của dự án.

Song với kinh nghiệm của MCV trong việc quản lý và triển khai các dự án đầu tư bất động sản, thủy điện, điện gió và đặc biệt là các dự án khai thác mỏ thì những rủi ro này phần nào được hạn chế và MCV đang gấp rút hoàn thiện những thủ tục pháp lý còn lại để tiếp tục tiến hành triển khai các dự án.

6. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 6.030.503 cổ phần bằng 50% lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty (12.061.006 cổ phần)

Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán dự kiến cho cổ đông hiện hữu: không thấp hơn 12.000 đồng/cổ phiếu.

Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

$$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số cổ phiếu đang lưu hành}$$

STT	Chỉ số	Trước phát hành	Dự kiến sau khi phát hành
1	Vốn điều lệ	120.610.060.000	180.915.090.000
2	Số cổ phần đang lưu hành	12.061.006	18.091.509
3	Lợi nhuận sau thuế (31/12/2010)	8.131.438.025	8.131.438.025
4	EPS	674	449

- Giá trị sổ sách 1 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$BV = \text{Vốn chủ sở hữu} / \text{Số cổ phiếu đang lưu hành}$$

STT	Chỉ số	Trước phát hành	Dự kiến sau khi phát hành
1	Vốn chủ sở hữu	208.691.613.915	277.053.941.454
2	Số cổ phần đang lưu hành	12.061.006	18.091.509
3	Giá trị sổ sách (book value)	17.303	15.314

Trên thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu MCV sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

Cổ phiếu MCV được phát hành trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, vì vậy nhà đầu tư cần lưu ý việc giá cổ phiếu có thể được điều chỉnh kỹ thuật trong phạm vi nhất định cụ thể như sau:

Trong kế hoạch chào bán lần này, Công ty dự kiến phát hành 6.030.503 cổ phần (bằng 50% tổng số cổ phần đang lưu hành) cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh kỹ thuật trong phạm vi nhất định. Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu là 2:1, có nghĩa là cổ đông hiện đang sở hữu 02 cổ phần thì được quyền mua thêm 02 quyền mua và 02 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới với giá không thấp hơn 12.000 đồng/cổ phần, ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn giá chào bán phù hợp đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và Công ty. Giả sử giá phát hành được HĐQT Công ty quyết định là 12.000 đồng/cổ phần thì tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng (mã chứng khoán MCV) sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền mua dành cho cổ đông hiện hữu theo công thức tính sau:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{2 \times \text{Giá phiên liền trước} + 12.000}{2 + 1}$$

Cụ thể:

- Giá thị trường của MCV ngày chốt danh sách (**dự kiến**) (đồng/CP): 20.000
- Giá điều chỉnh của MCV (đồng/cổ phần) = $[(20.000 \times 2 + 12.000 \times 1)] / 3$: 17.334

Như vậy, việc phát hành thêm 6.030.503 cổ phiếu sẽ làm điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu và sẽ làm pha loãng EPS và Giá trị sổ sách của Công ty.

7. Rủi ro về tỷ giá

Hiện tại, nền kinh tế đang trong tình trạng giá cả leo thang, giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất tăng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng như xi măng, sắt, thép... làm giá thành công trình cao, dẫn đến khó khăn chung cho ngành xây dựng cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Trong lĩnh vực xây dựng, nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối cao, nhiều loại nguyên vật liệu là hàng nhập khẩu do vậy cũng làm cho hoạt động của Công ty phần nào chịu ảnh hưởng của biến động giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác.

8. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Trần Mạnh Hùng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Xuân Hiến	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Đình Sơn	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Lưu	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quang Vinh**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ NHÓM TỪ VIẾT TẮT

- Công ty Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng
- MCV Tên tắt của Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TSCĐ Tài sản cố định
- Cổ phiếu Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng
- Điều lệ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- TN - KCS Thí nghiệm - Kiểm tra chất lượng sản phẩm
- TBVT Thiết bị vật tư
- QLTBVT Quản lý Thiết bị vật tư

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Công ty TNHH Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Nam ký quyết định thành lập ngày 26/03/2002.
- Ngày 10/04/2002, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là khai thác mỏ và xây dựng các công trình giao thông, thủy điện
- Sau gần 04 năm hoạt động và phát triển, ngày 13/6/2006, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác Mỏ và Xây dựng. Quá trình cổ phần hóa được tiến hành như sau:
 - Công ty TNHH Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng là Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Việt Nam (Công ty Cavico Việt Nam) hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0104000057 cấp ngày 14 tháng 04 năm 2002.
 - Quá trình cổ phần hoá Công ty TNHH Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng nằm trong chiến lược đa dạng hoá loại hình sở hữu, huy động các nguồn lực đầu tư vào các Công ty thành viên trong hệ thống và do Công ty Cavico Việt Nam tự tiến hành, không qua các tổ chức trung gian, thực hiện dựa theo các quy định của Luật doanh nghiệp 1999 (Điều 108 về chuyển đổi Công ty) và theo Quyết định số 111/QĐ/HĐQT ngày 20 tháng 05 năm 2006 của HĐQT Công ty Cavico Việt Nam.
 - Trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty CAVICO MINING, HĐQT Công ty Cavico Việt Nam xác định vốn chủ sở hữu của Công ty CAVICO MINING là 31.000.000.000 đồng. Khi cổ phần hoá, vốn chủ sở hữu này được chia thành 3.100.000 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Vốn điều lệ này được ghi nhận trong giấy chứng nhận ĐKKD của Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng (lần đầu ngày 13/06/2006).
 - Về hình thức phát hành lần đầu khi thực hiện cổ phần hóa: Việc phát hành cổ phần lần đầu khi thực hiện cổ phần hóa do Công ty Cavico Việt Nam tự thực hiện, không thông qua tổ chức tài chính trung gian và phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ cho các đối tác chiến lược là Ngân hàng Habubank và Ngân hàng Quân đội và CBCNV đang làm việc tại các công ty trong hệ thống các công ty của Cavico Việt Nam. Giá phát hành lần đầu là 13.600 đồng/ 01 cổ phần. Thời gian phát hành từ 13/6/2006 đến 30/6/2006.

Quá trình tăng vốn Điều lệ:

	Vốn điều lệ (đồng)	Số vốn tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn
Vốn điều lệ ban đầu	31.000.000.000		
Lần 1	46.000.000.000	15.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu (CĐHH), CBCNV và Cavico Việt Nam theo nghị quyết ĐHĐCĐ ban hành ngày 06/07/2006.
Lần 2	68.897.490.000	22.897.490.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu, CBCNV, đối tác chiến lược (ĐTCL) theo nghị quyết ĐHĐCĐ ban hành ngày 13/04/2007. Trong đó, kết quả chào bán như sau: - Cổ đông hiện hữu: 789.749 cổ phần - CBCNV: 16.600 cổ phần - ĐTCL (BVSC) 1.500.000 cổ phần
Lần 3	80.610.060.000	11.712.570.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV theo nghị quyết ĐHĐCĐ ban hành ngày 28/03/2009. Trong đó: - Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (12% vốn điều lệ): 826.770 cổ phần - Phát hành cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 20:1) cho CĐHH (5% vốn điều lệ): 344.487 cổ phần
Lần 4	120.610.060.000	40.000.000.000	Chào bán cho đối tác chiến lược theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 08/01/2010 về chào bán cho đối tác chiến lược. Trong đó: - Cty TNHH Cavico Việt Nam: 1.960.000 cp - Cty CPCavico Thương mại: 2.040.000 cp

Nguồn: MCV

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng**
- Tên tiếng Anh: Cavico Viet Nam Mining and Construction joint stock company
- Tên viết tắt: CVCM., JSC
- Vốn điều lệ đăng ký: **120.610.060.000** đồng (*Một trăm hai mươi tỷ sáu trăm mười triệu sáu mươi nghìn đồng*)
- Vốn điều lệ thực góp: **120.610.060.000** đồng (*Một trăm hai mươi tỷ sáu trăm mười triệu sáu mươi nghìn đồng*)
- Trụ sở chính: Tầng 08, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội

- Điện thoại: (84-4) 7854186
- Fax: (84-4) 7854184
- E-mail: info@cavicomc.com
- Website: www.cavicomc.com

- Logo của Công ty:



- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0101986607 đăng ký lần đầu ngày 13/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/06/2010.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ;
 - Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi;
 - Xây lắp điện đến 35 KV;
 - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán Bar);
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
 - Dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng;
 - Xây dựng công trình ngầm
 - Thi công cầu cảng.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH 11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ sửa đổi của Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2007.

Từ ngày 13/06/2006, Công ty chính thức được chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CAVICOMINING



3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCD quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCD thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCD quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng có 06 thành viên.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCD, do ĐHĐCD bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các phòng ban chức năng:

Ban thư ký

Ban Thư Ký là đơn vị trong Bộ máy giúp việc của HĐQT và Ban TGD Công ty, có chức năng giúp HĐQT, Ban TGD về công tác quan hệ công chúng, quảng bá thương hiệu, công bố thông tin và công tác pháp chế trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm tra và hỗ trợ các hoạt động quan hệ công chúng, quảng bá thương hiệu, công bố thông tin và pháp lý của các Phòng ban, Công ty thành viên, Công ty khác. Ban Thư Ký là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm thống nhất về công tác quan hệ công chúng, quảng bá thương hiệu, công bố thông tin và pháp chế trong hoạt động của Công ty. Quản lý hệ thống máy tính, mạng máy tính toàn Công ty.

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tổ chức – Hành chính là đơn vị tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc công ty về tổ chức bộ máy sản xuất – kinh doanh và định biên, bố trí nhân sự đáp ứng yêu cầu phát triển chung của công ty; Xây dựng sơ đồ tổ chức, quản lý Công ty, quản lý phòng phụ trách và phân công nhiệm vụ cụ thể các nhân viên trong phòng; Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc quyết định việc đề bạt và phân công cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của Công ty và các đơn vị trực thuộc; Phối hợp với các phòng ban chuyên môn, dự án xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi nâng bậc, chuyển ngạch lương, thi tay nghề cho cán bộ, công nhân viên toàn Công ty; Đồng thời thực hiện công tác tuyển chọn và đào tạo nhân viên cho công ty.

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc thực hiện các công việc quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thị trường, tổng hợp phân tích và nghiệm thu thanh toán các công trình. Đồng thời phòng cũng thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, cụ thể là quản lý khối lượng thi công, chất lượng công trình tại các dự án và công tác pháp chế.

Phòng Tài chính

Phòng Tài chính là đơn vị hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc cân đối nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Cty; Tìm nguồn và huy động các nguồn vốn phục vụ cho quá trình hoạt động; Lập hồ sơ vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn ngân hàng/ Tổ chức tín dụng; Lập hồ sơ vay hạn mức lưu động hàng năm; Lập hồ sơ từng lần hạn mức lưu động; Lập kế hoạch tài chính hàng tháng, hàng năm; Lập báo cáo theo dõi dư nợ và lịch trình trả nợ hàng tháng; Theo dõi và phân tích các khoản đầu tư của Công ty.

Phòng Kế toán

Phòng Kế toán là một trong những phòng nghiệp vụ có chức năng quản lý toàn bộ hệ thống số liệu kế toán liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc những phương án sản xuất kinh doanh đảm bảo các chỉ số tài chính an toàn và tối ưu hóa nguồn lực; Xây dựng hệ thống quản lý kế toán nhằm làm tốt công tác hoạch toán kế toán từ cấp cơ sở đến cấp quản lý; Báo cáo về công tác quản lý tài chính kế toán của Công ty, tình hình tài chính phục vụ các dự án, tình hình nghiệm thu thanh quyết toán công trình và đề xuất, kiến nghị cải tiến. Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, chỉ tiêu kinh doanh của Công ty.

Phòng Thiết bị - Vật tư

Phòng Thiết bị - Vật tư thực hiện công tác tham mưu cho Ban TGD về công tác quản lý TBVT, công tác định mức, đầu tư và đảm bảo vật tư phục vụ sản xuất tại các dự án trong Công ty, về việc quản lý số lượng chất lượng thiết bị của Công ty, và về công tác vật tư chung toàn Công ty; ây dựng chỉ đạo công tác QLTBVT, khai thác sử dụng XMTB (bao gồm sử dụng, bảo dưỡng, bảo quản, vận chuyển..) công tác sửa chữa XMTB, công tác đặt hàng vật tư

cho XMTB; Đề xuất ý kiến về nhu cầu thuê mua, điều động, chuyển chuyên, thanh lý, thu hồi xe máy thiết bị, vật tư giữa các dự án; Tổng hợp nhu cầu sửa chữa và chỉ đạo công tác sửa chữa, khai thác XMTB đúng tính năng kỹ thuật, chủ động nghiên cứu, ứng dụng KHKT để chế tạo, cải tiến XMTB nhằm kéo dài tuổi thọ, nâng cao tính tiện nghi, cải thiện môi trường làm việc đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, vật tư, giảm chi phí, tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

Các Ban quản lý dự án: gồm các ban quản lý các dự án mà Công ty đang triển khai thực hiện.

4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.**
 - **Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/05/2010**

Cổ đông	Giá trị sở hữu (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II. Cổ đông trong nước	75.589.830.000	7.558.983	62,673%
* Cá nhân	55.079.670.000	5.507.967	45,668%
* Tổ chức	20.510.160.000	2.051.016	17,005%
III. Cổ đông ngoài nước	45.015.240.000	4.501.524	37,323%
* Cá nhân	4.260.110.000	426.011	3,532%
* Tổ chức	40.755.130.000	4.075.513	33,791%
IV. Cổ phiếu quỹ	4.990.000	499	0,004%
* Cổ phiếu quỹ	4.990.000	499	0,004%
Tổng	120.610.060.000	12.061.006	100%

Nguồn: MCV

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại thời điểm 26/05/2010**

STT	Tên cổ đông	Giấy CNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
01	Công ty TNHH Cavico Việt Nam	011043000070	Tầng 6 tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	4.019.200	33,32%

02	Công ty Cổ phần Cavico Thương Mại Xây dựng	0103019042	P 507 CT3-2 KĐT Mễ Tri Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	2.040.000	16,91%
----	---	------------	---	-----------	--------

Nguồn: MCV

- Danh sách cổ đông sáng lập**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101986607 đăng ký lần đầu ngày 13/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/03/2010, danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng như sau:

STT	Tên cổ đông	Giấy CNĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
01	Công ty TNHH Cavico Việt Nam Đại diện : Trần Mạnh Hùng	011043000070 010528875	Tầng 6, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội. 49 Cửa Nam, phường Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.019.200	33,32%
02	Bùi Quang Hà	012489907	Tổ 10, Cụm số 02, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội	2.348	0,02%
03	Hứa Thanh Bình	012614026	Số 04, Phan Huy Ích, Nguyễn Trung Trực, Ba Đình, Hà Nội.	10.006	0,08%

5. Danh sách những Công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những Công ty mà tổ chức đăng ký phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

- Công ty mẹ của tổ chức phát hành.**

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH CAVICO VIỆT NAM
- Tên giao dịch: CAVICO VIET NAM COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: CAVICOVN.,LTD

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000070 cấp lần đầu ngày 08/01/2007 do UBND thành phố Hà Nội cấp.
 - Địa chỉ trụ sở công ty: Tầng 6, Toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 - Công ty TNHH Cavico Việt Nam – Cavico Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng tại thời điểm 26/05/2010 là 33,32% tương đương 4.019.200 cổ phần.
- **Công ty con của tổ chức phát hành**
 - Tên công ty: **Công ty Cổ phần Cavico Thủy Điện Tân Mỹ Tràng An**
 - Tên giao dịch: Cavico Tan My Trang An Hydro Power Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: CAVICO TAN MY TRANG AN .JSC
 - Giấy chứng nhận đầu tư số: 4500412182 cấp lần đầu ngày 03/02/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.
 - Địa chỉ trụ sở công ty: Thôn Giáo, xã Phước Hòa, huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.
 - Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (*Hai mươi lăm tỷ đồng*)
 - Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng nắm giữ cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Cavico Thủy Điện Tân Mỹ Tràng An là 51% tương đương 12.750.000 cổ phần.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành 03 nhóm bao gồm: Hoạt động bốc xúc; Hoạt động xây lắp; và Hoạt động tạo doanh thu khác. Trong đó, hoạt động bốc xúc và hoạt động xây lắp vẫn là hoạt động truyền thống và đóng góp tới trên 90% tổng doanh thu của Công ty qua các năm 2008 và 2009. Riêng 09 tháng đầu năm 2010, doanh thu từ hai hoạt động này chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối trong tổng doanh thu của Công ty (96,98%).

- **Hoạt động bốc xúc**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của MCV, Công ty có xu hướng chuyển dần từ hoạt động bốc xúc sang hoạt động xây lắp. Doanh thu từ hoạt động bốc xúc từ năm 2008 đến nay có xu hướng giảm dần từ hơn 100 tỷ đồng năm 2008 chiếm 67,83% doanh thu thuần xuống 67 tỷ đồng năm 2009 chiếm 43,72% doanh thu thuần, và 28 tỷ đồng 09 tháng đầu năm 2010. Hoạt động bốc xúc của Công ty chủ yếu là bốc xúc, vận chuyển, gạt đất đá và bóc tầng phủ của các mỏ than, mỏ khoáng sản tại Việt Nam. Hiện nay Công ty đang thực hiện hợp đồng bốc xúc, vận chuyển, khoan, gạt đất đá, bóc tầng phủ của Mỏ Than Núi Béo – Quảng Ninh cho chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Than Núi Béo – TKV với thời gian 05 năm (từ 2006 đến 2010)

Một số hình ảnh về hoạt động bóc xúc tại mỏ Núi Béo, Quảng Ninh

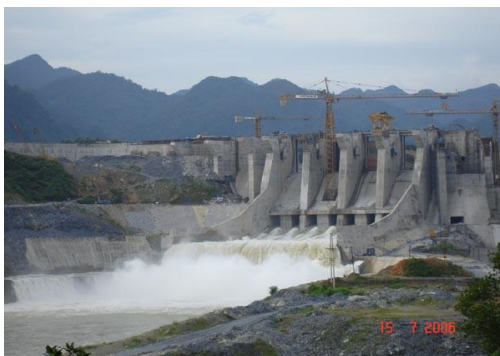


• **Hoạt động xây lắp**

Trong các năm gần đây, hoạt động xây lắp được MCV tập trung phát triển và mở rộng. Công ty đã và đang thực hiện xây lắp một số lượng lớn các công trình thủy điện và thủy lợi. Tỷ trọng doanh thu trên doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp tăng nhanh từ 25% năm 2008 (36,8 tỷ đồng) lên tới hơn 50% năm 2009 (77 tỷ đồng) và 72,61% trong 09 tháng đầu năm 2010 (83,56 tỷ đồng).

Các công trình mà Công ty đã hoàn thành:

- Dự án Hồ chứa nước (kết hợp thủy điện) Cửa Đạt – Thanh Hóa: MCV thực hiện việc đào, đắp đập, đắp đê quai, sản xuất bê tông, đổ bê tông bản mặt, bê tông bản chân.
- Dự án Thủy Điện Nậm Chiến – Sơn La: Thực hiện việc đào và gia cố hàm ngang dẫn nước.
- Dự án Thủy Điện Nho Quế – Hà Giang: Thực hiện đào đắp, làm đường vận hành VH1, VH2, đào đắp đập qua suối cạn.
- Dự án Hạ Long – Quảng Ninh: Thực hiện đào đắp đất đá, vận chuyển thi công đường vào mỏ đá phục vụ sản xuất của Nhà máy xi măng Hạ Long.
- Dự án đường tránh ngập – Tuyên Quang: Thực hiện đào đắp đất đá, vận chuyển, trải thảm làm mặt đường tránh ngập của công trình Nhà máy Thủy Điện Tuyên Quang.



Dự án Đường tránh ngập – Tuyên Quang



Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt – Thanh Hóa



Đường lên mỏ đá – Hạ Long, Quảng Ninh



Cầu Đà Vịt – Tuyên Quang

Một số công trình mà Công ty đang thực hiện:

- Dự án Hồ chứa nước (kết hợp thủy điện) Ngàn Trươi – Hà Tĩnh: Thực hiện đào đắp đất đá cửa vào, cửa ra Tuynen, làm đường vận hành RO1, Đào đắp, đổ bê tông hầm dẫn nước.
- Dự án Hồ chứa nước (kết hợp thủy điện) Tả Trạch – Thừa Thiên Huế: Thực hiện đào đắp đất đá, gia cố cửa vào, cửa ra Tuynen, đào đắp kênh dẫn dòng, Đào đắp, đổ bê tông hầm dẫn nước, thi công tháp van hạ lưu, thi công tuynen, đắp đê quai, thi công trạm biến áp.
- Dự án Hồ chứa nước (kết hợp thủy điện) Bản Mông – Nghệ An: Thực hiện đào đắp đất đá, thi công kênh dẫn dòng.



Hồ chứa nước Ngàn Trươi – Hà Tĩnh



Hồ chứa nước Tả Trạch – Thừa Thiên Huế

• **Hoạt động kinh doanh khác**

Hoạt động kinh doanh khác bao gồm: Bán nhiên liệu dầu Diezen và dầu mỡ nhờn cho các đơn vị thầu phụ của MCV, hình thức thanh toán chủ yếu là bù trừ vào công nợ mà MCV phải trả cho các nhà thầu phụ.

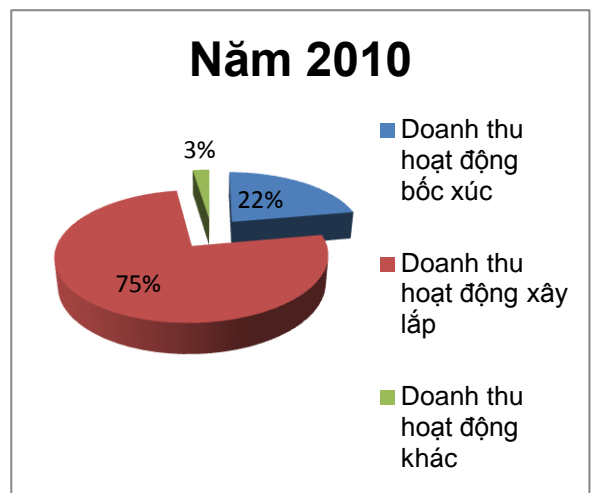
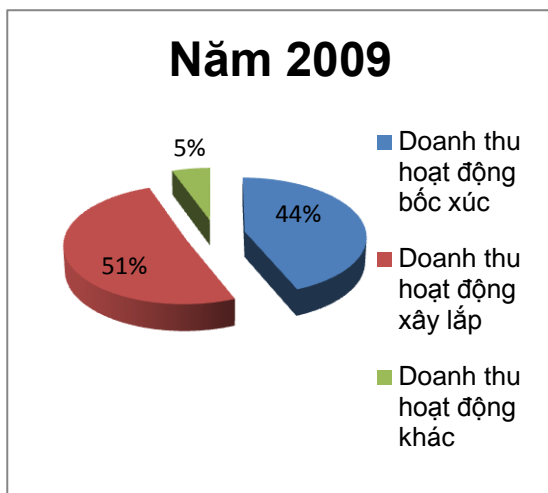
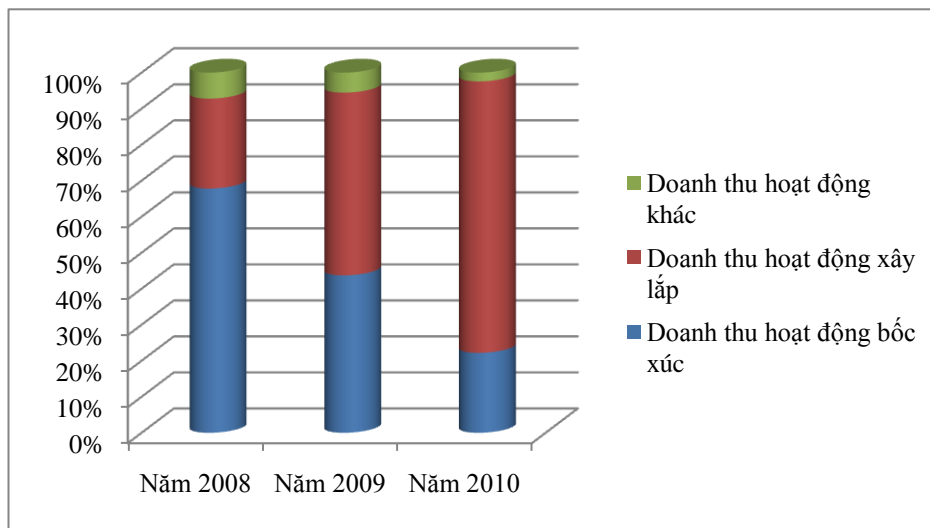
Ngoài ra hoạt động kinh doanh khác là: cho thuê máy móc thiết bị cho các công ty trong hệ thống cavico. Giá trị các hợp đồng của hoạt động kinh doanh khác thường là nhỏ, MCV mua hàng về rồi lại bán lại cho các thầu phụ.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	Tỷ Trọng	Giá trị	Tỷ Trọng	Giá trị	Tỷ Trọng
Doanh thu hoạt động bốc xúc	100.015	67,83%	67.055	43,72%	36.791	22,19%
Doanh thu hoạt động xây lắp	36.809	24,96%	77.820	50,73%	125.007	75,39%
Doanh thu hoạt động khác	10.632	7,21%	8.512	5,55%	4.022	2,43%
Tổng cộng	147.456	100%	153.388	100%	165.820	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

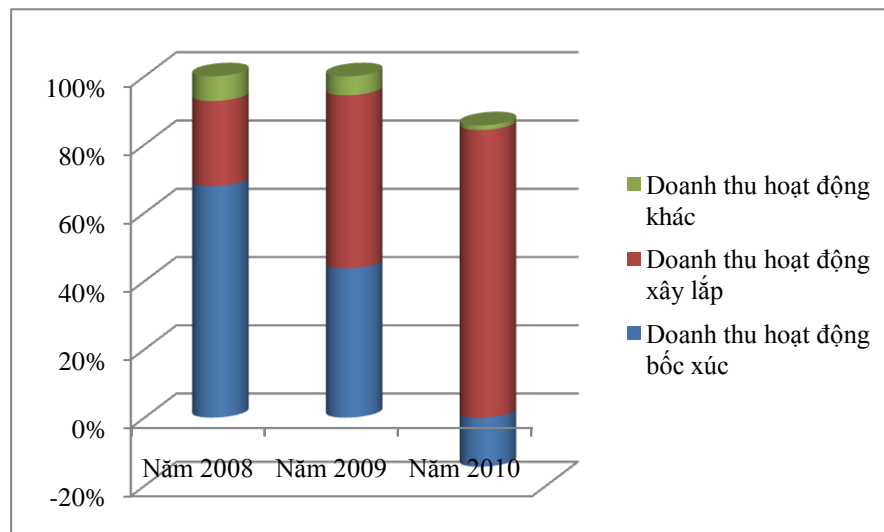


Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	Tỷ Trọng	Giá trị	Tỷ Trọng	Giá trị	Tỷ Trọng
Lợi nhuận hoạt động bốc xúc	28.841	101,46%	5.048	28,31%	(3.592)	-20,15%
Lợi nhuận hoạt động xây lắp	(2.776)	-9,76%	9.419	52,83%	21.078	118,26%
Lợi nhuận hoạt động khác	2.361	8,31%	3.363	18,86%	337	1,89%
Tổng cộng	28.426	100%	17.831	100%	12.609	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV



6.2. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu

Các hoạt động khai thác mỏ và bốc xúc đất đá và các hoạt động đại lý ký gửi, cho thuê máy móc thiết bị đều là các hoạt động dịch vụ, do đó nguyên vật liệu chủ yếu là nhiên liệu (xăng dầu) phục vụ cho hoạt động dịch vụ bốc xúc khai thác mỏ và các phụ tùng thay thế cho các xe chuyên dụng. Hai loại nguyên vật liệu này chủ yếu là nhập khẩu từ nước ngoài do các doanh nghiệp trong nước chưa sản xuất được nên thường phụ thuộc vào thị trường quốc tế.

Cũng là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình thủy điện và thủy lợi, nguyên vật liệu chính cho hoạt động của Công ty là sắt, thép và kim loại khác; Bê tông; Xi măng; Sơn; Gạch xây; Các thiết bị điện, các thiết bị nước, và cát đá sỏi được mua từ các đại lý lớn, có uy tín.

b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Thị trường vật liệu xây dựng Việt Nam được đánh giá là khá cạnh tranh với nguồn hàng đa dạng đảm bảo đáp ứng nhu cầu các công trình xây dựng về cả số lượng và chất lượng. Là doanh nghiệp khai thác mỏ và xây dựng có sản lượng hàng năm khá lớn, Công ty luôn nhận được nhiều ưu đãi từ phía các nhà cung cấp trên thị trường. Hiện nay nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty chủ yếu từ các công ty đầu mối, đối tác và các bạn hàng truyền thống có uy tín cung cấp vật liệu chuyên nghiệp, cũng như các đại lý của các công ty xi măng, sắt thép. Về nhiên liệu xăng dầu phục vụ các thiết bị và phương tiện trong hoạt động bốc xúc, Công ty cũng có những đối tác là các nhà cung cấp đáng tin cậy như Công ty xăng dầu Quân đội và Công ty TNHH Thương mại Thụy Dương. Có thể nói việc cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất của Công ty có mức độ ổn định. Tuy vậy, xét về mặt giá cả, nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty trong thời gian qua tương đối biến động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong kết cấu chi phí của một doanh nghiệp khai thác mỏ và xây dựng, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong thời gian qua, giá cả nguyên vật liệu xây dựng cũng như xăng dầu có rất nhiều biến động theo chiều hướng tăng mạnh do nguyên nhân sau: Giá nhiên liệu (xăng, dầu...), giá điện tăng làm tăng chi phí sản xuất của các nhà cung cấp nguyên vật liệu, chi phí sản xuất khiến cho giá các nguyên vật liệu cũng bị tăng lên tương xứng.

Đối với MCV, các nguyên vật liệu như: Xăng, dầu, Xi măng, sắt, thép, bê tông chiếm một tỷ trọng rất lớn trong các sản phẩm và dịch vụ mà Công ty tạo ra. Do đó, để hạn chế những rủi ro trên, Công ty đã tiến hành lựa chọn ký những hợp đồng có điều chỉnh giá đồng thời thực hiện chính sách tiết kiệm trong sản xuất và chú trọng xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ nguyên vật liệu phù hợp để giảm thiểu rủi ro khi có những biến động lớn về giá cả trên thị trường. Do vậy, Công ty đã hạn chế được rủi ro từ biến động giá cả nguyên vật liệu.

6.3. Chi phí sản xuất

Nhìn chung, chi phí sản xuất của Công ty ở mức có khả năng cạnh tranh tốt với các đối thủ trong cùng lĩnh vực. Công ty đã thực hiện xây dựng hệ thống định mức sản xuất sản phẩm cho toàn Công ty như: quy định về tiêu hao nguyên vật liệu, quy định về sử dụng và trang bị phương tiện phòng hộ .v.v... cũng như liên tục thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý và sử dụng vật tư, vật liệu hợp lý để giảm chi phí và tăng hiệu quả trong kinh doanh.

Bảng: Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần qua các năm*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	%/ DT thuần	Giá trị	%/ DT thuần	Giá trị	%/ DT thuần
Giá vốn hàng bán	119.030	80,72%	135.557	88,38%	147.997	89,25%
Chi phí tài chính	11.722	7,95%	3.194	2,08%	446	0,27%
Chi phí QL DN	7.637	5,18%	9.988	6,51%	11.550	6,97%
Chi phí khác	191	0,13%	424	0,28%	-	-
Tổng cộng	138.579		149.163		159.993	

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

Cũng như các đơn vị sản xuất kinh doanh khác, chi phí về giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo thống kê chi phí về giá vốn hàng bán năm 2009 chiếm 88,38% doanh thu thuần (135,5 tỷ đồng), tăng nhẹ so với năm 2008 119 tỷ đồng chiếm 80,72% doanh thu thuần. Giá vốn hàng bán của MCV chủ yếu từ giá nguyên vật liệu bao gồm xi măng, thép, bê tông, xăng, dầu... , giá nguyên vật liệu tăng dẫn tới giá vốn hàng bán tăng. Trong năm 2010, giá vốn hàng bán của Công ty là hơn 147 tỷ đồng chiếm 89,25% so với doanh thu thuần.

Bên cạnh giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của MCV, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp là hai chi phí còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí của Công ty. Chi phí tài chính giảm mạnh trong 02 năm 2008 (11,7 tỷ đồng) và 2009 (3,194 tỷ đồng) do Công ty đã giảm được lãi tiền vay 50% từ 6,8 tỷ năm 2008 xuống còn hơn 3 tỷ năm 2009 và không còn lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện vốn là 4,9 tỷ năm 2008. Chi phí quản lý doanh nghiệp luôn giao động tăng nhẹ từ năm 2008 đến năm 2010.

6.4. Trình độ công nghệ

Cavico Mỏ là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư một đội xe, máy công suất lớn, đồng bộ nhất trên khai trường mỏ Việt Nam để thi công khai thác lộ thiên của ngành than. Công ty cũng đã trang bị cho mình hệ thống phương tiện vận tải phục vụ hoạt động bốc xúc và máy móc xây dựng đảm bảo năng lực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện lớn với yêu cầu kỹ thuật cao. Công ty không ngừng đầu tư nâng cao năng lực phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thi công, mạnh dạn nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong xây dựng, với dàn thiết bị hùng hậu. Máy móc và thiết bị của Công ty là những dây chuyền sản xuất hiện đại của các hãng nổi tiếng trên thế giới như: Caterpillar, Tamrok-Sandvic, Atlasscopco ...

Năm 2010, Công ty đã ký các hợp đồng thi công cầu, đường, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thủy lợi, cũng như các hoạt động bốc xúc, vận chuyển, khoan đất đá, bóc tầng phủ ... Để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, Công ty đã mạnh dạn đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị,

phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng ... đáp ứng được yêu cầu sản xuất, giữ vững được uy tín với khách hàng, từng bước giành thế chủ động trong thi công, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.



Máy khoan Drilltech D2458 - khoan thủy lực lớn và hiện đại nhất trong ngành thi công khai thác mỏ.



CAT 773E- Loại xe vận chuyển hàng nặng vừa được đầu tư 10/2006

Cùng với việc đầu tư xe máy thiết bị thi công, trình độ quản lý kỹ thuật tay nghề của đội ngũ kỹ sư, thợ sửa chữa, thợ vận hành từng bước được bổ sung, nâng cao. Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm bổ ích trong công tác quản lý và sử dụng, điều hành xe máy thiết bị trong thi công, nhưng đồng thời cũng thấy được những điểm yếu cần phải khắc phục để hoàn thiện hơn.

Về công nghệ thi công cầu đường, kế thừa kinh nghiệm của Công ty Cavico Việt Nam, Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng hiện nay có đủ khả năng thi công cầu bê tông cốt thép dự ứng lực các địa hình như: thi công trên sông, thi công cầu vượt trên các quốc lộ lớn... Với thiết bị đồng bộ và đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm, Công ty có thể triển khai ngay được các hợp đồng thi công cầu lớn theo đúng yêu cầu về quản lý chất lượng, kỹ thuật và tiến độ của các chủ đầu tư.

Kinh nghiệm và thiết bị bóc xúc công suất lớn và tiên tiến đã được áp dụng trong thi công đường đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm chi phí nhiên vật liệu nhất là công tác khoan nổ giảm 30 - 40% so với thi công bình thường.

Về công nghệ thi công hầm, đập, thủy điện, công nghệ thi công hầm của Công ty Cavico Việt Nam sánh ngang cùng các đàn anh trong ngành như Tổng Công ty Sông Đà và có thể thi công tất cả các công trình thủy điện và nhất là với công nghệ TBM (khoan gương hầm một lần) Công ty Cavico Việt Nam là đơn vị đầu tiên áp dụng tại Việt Nam. Kinh nghiệm thi công hầm là tài sản chung của Công ty và Cavico Mỏ đã áp dụng để thi công tại công trình thủy điện Nậm Chiến.



Máy đào



Khoan D7



Khoan CHA1100

Trình độ công nghệ của Công ty được thể hiện qua danh mục các tài sản cố định của Công ty và một số công trình mà Công ty đã tham gia thi công.

Danh mục một số Tài sản cố định có giá trị lớn của Công ty thời điểm 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản cố định	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc			4.337.300.334	2.701.697.089
1	Văn phòng DA Núi Béo	30	3.459.797.347	1.977.757.121
2	Văn phòng mới DA Núi Béo	20	877.502.987	723.939.968
Máy móc thiết bị			30.832.397.346	3.029.557.687
3	Máy khoan D245-S Driltech	10	6.368.824.063	415.487.969
4	Máy ủi Komatsu 6D140 (D85P-21)	8	534.285.714	-
5	Máy đào Caterpiler 375ME A2	10	7.285.005.322	-
6	Xúc lật 992C	10	5.301.893.945	-
7	San gạt Mishubishi	10	285.714.285	-
8	Máy ủi D85A-12	8	230.000.000	-
9	Máy đào 345B số 1	12	3.003.921.005	-
10	Máy đào 365BL	12	5.819.625.000	1.472.226.568
11	Máy khoan CHA 1100	10	1.797.226.223	1.069.777.520
12	Máy đào Cat 375 - ME Mã 2105	5	205.901.789	72.065.631
Phương tiện vận tải			78.334.486.962	20.768.731.364
13	Xe Caterpiler 773B số B1	10	3.598.148.789	1.201.194.299
14	Xe Caterpiler 773B số B2	10	3.549.898.587	1.174.656.687
15	Xe Caterpiler 773B số B3	10	3.371.576.664	1.076.579.628
16	Xe Caterpiler 773B số B4	10	1.964.247.850	302.548.777
17	Xe Caterpiler 773B số B5(7/02)	10	2.065.500.000	117.445.483
18	Xe Caterpiler 773B số B6(7/02)	10	2.065.500.000	117.445.483
19	Xe Caterpiler 773B số B7(/02)	10	3.491.931.580	874.473.106
20	Xe Caterpiler 773B số 1	10	2.565.869.567	-
21	Xe Caterpiler 773B số 5	10	2.565.869.567	-
22	Xe Caterpiler 773B số 6	10	2.565.869.567	-
23	Ford Ranger 2AW29M9684	10	372.130.500	-
24	Xe Caterpiler 4115	10	3.730.654.479	1.054.012.076
25	Xe Caterpiler 4117	10	2.362.475.367	342.558.930
26	Xe Caterpiler 4118	10	2.362.475.367	342.558.930

STT	Tên tài sản cố định	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
27	Xe tộc chờ dầu	10	467.783.350	171.780.448
28	Xe tải ben 40 T SK 550022, SM 6TB15548	10	815.357.000	358.122.435
29	Xe tải ben 40 T SK 550020, SM 6TB15513	10	815.357.000	358.122.435
30	Xe tải ben 40 T SK 550021, SM 6TB15514	10	815.357.000	358.122.435
31	Xe Caterpiller 4122	10	2.386.353.500	1.240.903.756
32	Xe Caterpiller 4123	10	2.435.353.130	1.266.383.630
33	Xe Ôtô Trooper 29N9919	10	286.915.417	172.149.254
34	Xe Caterpiller 4127	5	7.741.391.940	2.322.417.582
35	Xe Caterpiller 4128	5	7.741.391.940	2.322.417.582
36	Xe Caterpiller 4129	5	7.741.391.940	2.322.417.582
37	Xe Caterpiller 4130	5	7.741.391.940	2.322.417.582
38	Xe Caterpiller 773B Mã 4102	5	678.573.730	237.500.811
39	Xe Caterpiller 773B Mã 4103	5	678.573.730	237.500.811
40	Xe Caterpiller 773B Mã 4104	5	678.573.730	237.500.811
41	Xe Caterpiller 773B Mã 4106	5	678.573.730	237.500.811

Nguồn: MCV

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty đã và đang đẩy mạnh được công tác quản lý chất lượng, tiến độ thi công từng công trình, hạng mục công trình. Việc giám sát, quản lý chất lượng, tiến độ công trình được phân công cụ thể tới từng Phó Tổng Giám đốc, các lãnh đạo trong Công ty. Các cán bộ được phân công nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra hiện trường hàng tuần, họp giao ban với chủ đầu tư. Tư vấn giám sát, Ban quản lý công trình để kịp thời nắm bắt tình hình, có các biện pháp chỉ đạo quyết liệt nếu cần thiết.

Đối với những công trình có giá trị, quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp, Công ty đã thành lập các Ban điều hành trực tiếp chỉ huy tại hiện trường, đôn đốc kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, thanh quyết toán, thực hiện nghiêm túc công tác nghiệm thu nội bộ. Công ty duy trì kiểm tra hiện trường, duy trì tốt công tác nghiệm thu nội bộ. Một số công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, tính chất phức tạp, Công ty đã phối hợp chặt chẽ với đội công trình lập biện pháp thi công, tiến độ chi tiết và tuân thủ tuyệt đối trong quá trình thi công.

Các nguồn vật tư chính đưa vào sử dụng cho công trình đều được Công ty giám sát chặt chẽ về chất lượng cũng như số lượng thông qua các hợp đồng cung cấp mà Công ty trực tiếp ký kết. Qua đó, Công ty cũng đã quản lý chặt chẽ được quá trình giải ngân mua vật tư.

Công ty thường xuyên duy trì chế độ báo cáo tình hình thi công định kỳ để lãnh đạo Công ty nắm bắt và có biện pháp điều chỉnh kịp thời khi cần thiết. Công tác chỉ đạo thi công, quản lý chất lượng công trình trong năm 2008 - 2009 đã có những chuyển biến tích cực.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Như đã đề cập ở trên, việc đảm bảo chất lượng và tiến độ của các công trình được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty thành lập các Ban quản lý dự án để theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện của từng dự án, đảm bảo giám sát, kiểm tra chất lượng từ khâu nhập nguyên vật liệu cho đến kỹ thuật tổ chức thi công theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư.

Bên cạnh đó, bộ phận đấu thầu và quản lý dự án của Công ty có trách nhiệm giúp lãnh đạo Công ty điều hành hoạt động xây lắp, theo dõi tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình do Công ty thi công.

Công ty còn đặc biệt quan tâm, chỉ đạo Công tác an toàn lao động, thường xuyên kiểm tra an toàn tại các công trường. Tổ chức học tập, kiểm tra An toàn lao động đầy đủ trước khi giao việc, các biện pháp an toàn thi công đã được đơn vị chấp hành nghiêm túc. Công ty đề ra những quy định nghiêm ngặt với các đơn vị như mở sổ nhật ký thi công, lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tập huấn an toàn viên, trang cấp bảo hộ lao động đầy đủ trước khi thi công. Năm 2009 Công ty không để xảy ra vụ tai nạn lao động nặng nào.

6.6. Hoạt động Marketing

Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng đã có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc quảng bá thương hiệu cũng như phần nào được đảm bảo về năng lực hoạt động thông qua thương hiệu Cavico Việt Nam. Nhận thức rõ vai trò của việc quảng bá thương hiệu. Công ty thường xuyên tiến hành quảng cáo và giới thiệu về các hoạt động lớn của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng như các báo Trung ương và địa phương, các tạp chí chuyên ngành trong lĩnh vực xây dựng, ...

6.7. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Logo của Công ty được xây dựng dựa trên logo và thương hiệu của Cavico Việt Nam với dòng chữ Mining Construction bên dưới. Thương hiệu Cavico là một thương hiệu mạnh, thể hiện với uy tín và chất lượng trong hoạt động khai thác mỏ và xây lắp.

- Thương hiệu Cavico Việt Nam được Công ty Cavico Việt Nam đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá số 55161 theo quyết định số A3714/QĐ-ĐK ngày 25/06/2004 của Cục sở hữu trí tuệ. Thương hiệu này được Cavico Việt Nam sử dụng cho các Công ty thành viên trong hệ thống như các Công ty TNHH một thành viên và các Công ty cổ phần

có phần vốn góp lớn của Cavico Việt Nam theo quyết định số 120 / QĐ- HĐQT ngày 10 tháng 7 năm 2006 của HĐQT Công ty Cavico Việt Nam.

- Căn cứ theo Quyết định này thì hiện nay Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng sử dụng tên Cavico Việt Nam đang được HĐQT Công ty Cavico Việt Nam cho phép và chưa phải trả tiền. Thời hạn sử dụng không xác định.
- Thời điểm Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng chấm dứt hoặc phải trả tiền cho việc sử dụng thương hiệu này tùy thuộc vào HĐQT Công ty Cavico Việt Nam và quá trình thương lượng giữa hai Công ty

6.8. Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Dưới đây là một số hợp đồng có giá trị lớn Công ty đang thực hiện và đã được ký kết:

Đơn vị: Đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	SỐ HỢP ĐỒNG	GT HỢP ĐỒNG	Thời hạn hợp đồng
1	Mỏ than Núi Béo và Hà Tu	Công ty Cổ phần than Núi Béo - TKV	381/HĐKT-KH	358.230.000.000	31/12/2010
2	Hồ chứa nước Tả Trạch - Gói 21	Ban QL ĐT&XD Thủy lợi 5 - Bộ NN&PTNT	14/HĐKT/2008	239.506.554.000	31/12/2010
3	Hồ chứa nước Tả Trạch - Gói 20	Công ty CP xây dựng số 47	13/HĐ - XD	55.900.046.000	31/12/2011
4	Hồ chứa nước Ngàn Trươi - Gói 13	Ban QL ĐT&XD Thủy lợi 4 - Bộ NN&PTNT	09/HĐ- XD/KTM/2009	162.668.408.000	30/06/2011
5	Hồ chứa nước Bản Mông	Ban QL ĐT&XD Thủy lợi 4 - Bộ NN&PTNT	09/2010/HĐ- XD	58.022.300.000	04/11/2010
6	Dự án QL279 - Bản Chát	Ban quản lý dự án Thủy điện 1	21/2010/ATĐ1 -HĐXL	27.020.000.000	31/12/2011
7	Hồ chứa nước Ngàn Trươi - Gói 30	Ban QL ĐT&XD Thủy lợi 4 - Bộ NN&PTNT	15/2010/HĐ- XD	63.586.535.000	17/06/2012
	TỔNG			964.933.843.000	

Nguồn: MCV

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008, 2009 và năm 2010

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Tổng giá trị tài sản	323.901.518.105	400.332.913.703	492.565.074.216
2	Doanh thu thuần	147.456.035.403	153.388.299.965	165.820.303.357
3	Lợi nhuận từ HĐKD	11.405.284.291	10.058.847.695	11.354.401.946
4	Lợi nhuận khác	(170.539.027)	147.392.287	-
5	Lợi nhuận trước thuế	11.234.745.264	10.206.239.982	11.354.401.946
6	Lợi nhuận sau thuế	9.661.880.927	8.444.297.985	8.131.438.025
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	85,57%	76,37%	N/a
8	Tỷ lệ cổ tức	12%	8%	N/a

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Những nhân tố thuận lợi

- Công ty được sử dụng thương hiệu Cavico Việt nam của Công ty mẹ (Cavico Việt Nam). Đây là thương hiệu nổi tiếng trên thị trường với tầm nhìn chiến lược, luôn đi đầu trong công nghệ khai thác mỏ và xây dựng. Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và định hướng đúng đắn của Cavico Việt Nam.
- Đội ngũ lãnh đạo Công ty là những cán bộ có trình độ cao cấp về trình độ quản lý kinh tế, chuyên môn cao, đã từng chỉ đạo, tổ chức thi công nhiều công trình trọng điểm trong và ngoài nước.
- Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật là những người có sức khỏe tốt, trình độ chuyên môn, tay nghề cao đáp ứng được yêu cầu công tác. Cổ đông cá nhân của Công ty đa số là người lao động trong doanh nghiệp, có quyền và lợi ích gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao vì lợi ích của doanh nghiệp.
- Ký kết nhiều hợp đồng kinh tế có giá trị lớn, doanh thu và lợi nhuận tốt; doanh nghiệp luôn bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đã đầu tư tại doanh nghiệp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, đồng thời luôn hoàn thành nghĩa vụ về thuế và tài chính đối với Nhà nước.

b. Những nhân tố khó khăn

- Điểm yếu và thách thức lớn nhất của Công ty là với quy mô và cơ sở vật chất như của Công ty trong thời điểm hiện tại là chưa đủ tầm, có rất nhiều doanh nghiệp trong ngành xây dựng có quy mô tương tự Công ty. Các thế mạnh của Công ty so với các công ty xây dựng khác không phải là tuyệt đối do đó sự cạnh tranh là hết sức khốc liệt.
- Giá vật liệu đầu vào liên tục tăng gây khó khăn cho các công trình nhận thầu có tiến độ kéo dài.
- Vốn vay Ngân hàng cho SXKD rất khó khăn nên cũng ảnh hưởng tới tiến độ cũng như hiệu quả các dự án.
- Công ty thi công nhiều công trình có yêu cầu kỹ thuật cao nhưng lực lượng cán bộ, kỹ sư, kỹ thuật và công nhân có kinh nghiệm, máy móc phục vụ thi công còn thiếu về số lượng nên quá trình thực hiện nhiệm vụ điều hành, quản lý thi công xây lắp gặp nhiều khó khăn.
- Các dự án Công ty triển khai trong năm 2010 cơ bản có tiến độ rất cao, khối lượng công việc rất lớn như Dự án Tả Trạch – Cơ bản phải bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Một số dự án đang thi công đều có khối lượng công việc lớn cụ thể như dự án Ngàn Trươi, Thạch Khê....
- Các diễn biến của thời tiết bất thường như mưa lũ, giông bão trong năm 2010 sẽ vẫn tiềm ẩn rất phức tạp và khó lường và là một yếu tố bất lợi lớn đối với công tác thi công của Công ty (Đặc biệt là các dự án ở vùng sâu vùng xa).
- Lực lượng trang thiết bị của Công ty dù khá mạnh nhưng vẫn còn thiếu so với nhu cầu và tiến độ triển khai của các dự án. Vì vậy vẫn cần tiếp tục đầu tư và đổi mới về công nghệ.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Được thành lập ngày 10/04/2002 với ngành nghề chính là khai thác mỏ và xây dựng các công trình giao thông, thủy điện, MCV đã sớm trở thành một đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực khai thác than lộ thiên và các công trình thủy điện ở Việt Nam. So với quy mô của các doanh nghiệp cổ phần trong ngành thi công khai thác mỏ hiện nay, MCV là một trong những công ty lớn nhất.

Là một đơn vị tiên phong trong việc sử dụng công nghệ tiên tiến, với hệ thống dây chuyền thiết bị đồng bộ, hiện đại, công suất lớn của các hãng nổi tiếng trên thế giới như Caterpillar, Atlascopco, Tamrock ... vào lĩnh vực khai thác mỏ lộ thiên, công ty đã đưa ra một giải pháp hoàn hảo trong việc nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm.

Qua 02 dự án trọng điểm của Nhà Nước là công trình thủy điện Tuyên Quang và công trình thủy lợi thủy điện Cửa Đạt Thanh Hoá, MCV đã hoàn thành tốt các hạng mục tham gia thi công, trong đó có nhiều hạng mục thuộc công trình chính, đảm bảo tiến độ đề ra của ban điều hành, khẳng định uy tín công ty. Với hơn 300 cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật, trong đó

nhieu người được đào tạo chuyên sâu và giàu kinh nghiệm, MCV ngày nay có thể đảm nhận những dự án lớn về xây dựng và khai thác mỏ.

Với bề dày lịch sử hoạt động, đội ngũ cán bộ có trình độ, kinh nghiệm trong ngành với khả năng mở rộng quy mô hoạt động trong thời gian tới. Công ty tin tưởng sẽ có được những bước phát triển mạnh mẽ trong tương lai và giành được chỗ đứng ngày càng vững chắc trong thị trường xây dựng hiện đang cạnh tranh rất khốc liệt.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

a. Về ngành than và khai thác mỏ

Trong vài năm trở lại đây, do đầu tư đúng hướng và thị trường năng lượng thế giới có nhiều thay đổi, ngành than đã có bước phát triển với sản lượng than sản xuất và than tiêu thụ đều đạt mức cao, đảm bảo đủ nhu cầu trong nước, đặc biệt sản lượng và kim ngạch xuất khẩu than đã được tăng lên không ngừng. Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng 9 và 10 là đầu tư sâu vào công nghệ khai thác, bốc xúc, vận chuyển và sàng tuyển than nên năng lực sản xuất than hiện nay có nhiều tiến bộ.

Hiện nay, ngành than áp dụng cả 2 phương thức là khai thác than lộ thiên và khai thác hầm lò. Do phương thức khai thác lộ thiên không đòi hỏi công nghệ phức tạp, vốn đầu tư nhiều như khai thác hầm lò nên hiện nay, đến 60% sản lượng than của Việt Nam là được khai thác từ các mỏ lộ thiên.

b. Khai thác Lộ Thiên

Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam hiện có 29 mỏ và các điểm khai thác bằng phương pháp lộ thiên; trong đó có 6 mỏ lớn có công suất thiết kế từ 800.000 -1.500.000T/năm, các mỏ nhỏ và các điểm khai thác còn lại có công suất dưới 400.000T/năm. Sản lượng than khai thác từ các mỏ lộ thiên chiếm trên 60% sản lượng than khai thác. Tuy nhiên hiện nay thực tế việc khai thác này đã gấp đôi thiết kế. Các mỏ lộ thiên cần được khai thác nhanh chóng để trả lại mặt bằng và môi trường cho các địa phương, do vậy trong vòng 5-10 năm nữa, Công ty luôn có thị trường vững chắc và ổn định.

c. Xây dựng công trình giao thông thủy lợi và thủy điện

Theo dự báo nhu cầu điện của Ngân hàng thế giới, công suất và hệ thống điện Việt Nam phải tăng gấp đôi trong vòng 5 năm từ 2006 đến 2010 để đáp ứng nhu cầu điện dự kiến tăng trưởng ở mức 16%/năm. Tăng trưởng của nhu cầu điện dẫn tới tăng mạnh nhu cầu xây dựng các nhà máy điện và các công trình đi kèm với các công trình này trong thời gian 5 đến 10 năm tới. Chiến lược phát triển của ngành điện là ưu tiên phát triển các công trình thủy điện có lợi ích tổng hợp (phát điện, chống hạn, chống lũ...) khuyến khích đầu tư phát triển thủy điện nhỏ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác đầu tư vào nhà máy thủy điện có công suất nhỏ. Đây chính là tiềm năng phát triển của lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện, cầu, hầm, giao thông, thủy lợi của MCV.

8.3. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.*

Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng hướng đến việc tạo ra giá trị cho các bên liên quan (cổ đông sở hữu, người lao động, khách hàng, nhà cung ứng,...) với một trách nhiệm cao. Để đạt được điều đó Công ty tận dụng mọi ưu thế, tiềm năng sẵn có, theo đuổi chính sách phát triển bền vững và đa dạng mọi khía cạnh hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty đề ra mục tiêu và chiến lược kinh doanh trong những năm tới như sau:

Mục tiêu phát triển của Công ty:

- Tiếp tục xây dựng lực lượng xây lắp về nhân lực, thiết bị công nghệ tăng năng lực đủ sức đảm nhận thi công các công trình và dự án lớn có yêu cầu kỹ mỹ thuật cao và phức tạp như xây dựng các nhà chung cư cao tầng, các công trình thủy lợi, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị.
- Nhằm nâng cao năng lực của Công ty trên thị trường, Công ty dự kiến tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất, xây thêm kho xưởng; Đầu tư chiều sâu vào máy móc thiết bị phục vụ thi công tạo năng lực cạnh tranh và chủ động đáp ứng các nhu cầu các dự án xây dựng lớn sắp tới.
- Về phát triển năng lực, MCV chủ trương hoàn thành các thủ tục để tiến hành việc đi vào xây dựng dự án thủy điện Tân Mỹ, tiếp tục triển khai nghiên cứu đầu tư và làm chủ sở hữu từ 2 – 3 nhà máy thủy điện gắn liền công trình thủy lợi có công suất $\leq 10\text{MW}$. Tham gia cùng CAVICO Việt Nam trong việc đầu tư dự án điện gió Cầu Đất (Lâm Đồng) với tỷ lệ sở hữu từ 20 – 30%.
- Về khai thác khoáng sản, MCV tiếp tục triển khai công việc khảo sát, đánh giá trữ lượng mỏ đồng vàng MUONG HOM tại Lào để nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại dự án. Xúc tiến ngay các thủ tục cấp phép chính thức để đi vào khai thác sau khi hoàn thiện công tác thăm dò, khảo sát.
- Kiện toàn và sắp xếp lại bộ máy nhân sự các phòng ban nhằm phát huy trí tuệ và năng lực của từng người, từng đơn vị. Tăng cường công tác tuyển dụng các kỹ sư kỹ thuật và các công nhân có tay nghề cao phù hợp với yêu cầu công việc.
- Nâng cao trách nhiệm quản lý thêm một bước nữa để phù hợp với quy mô đầu tư phát triển ngày một tăng cao của công ty.

Chiến lược phát triển

- Trở thành nhà thầu đẳng cấp đủ điều kiện và trình độ đấu thầu các gói thầu Quốc tế, xây dựng đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật đủ mạnh để nâng cao tỷ lệ các công trình tổng thầu thiết kế và thi công.
- Đa doanh, đa dạng hoá sản phẩm, trước mắt nắm bắt cơ hội trở thành nhà đầu tư kinh doanh bất động sản và một số lĩnh vực khác khi thời cơ xuất hiện.

- Tổ chức hoàn chỉnh mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo phương án và lộ trình thực hiện đã được thông qua. Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp với thị trường, phát triển Thương hiệu MCV trong các lĩnh vực khai thác mỏ và kinh doanh xây lắp.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông thông qua với mục tiêu chất lượng là “ Uy tín - An toàn - Chất lượng - Hiệu quả ”.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là 363 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ	363	100%
1. Trình độ đại học trở lên	85	23,42%
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	19	5,23%
3. Công nhân kỹ thuật	185	50,96%
4. Lao động phổ thông/ thời vụ	74	20,39%

Nguồn: MCV

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, từ 12h đến 13h đối với các bộ phận văn phòng. Đối với cán bộ và công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo đáp ứng tiến độ thị công, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được công thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của Bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với

chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 01 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Định kỳ dựa trên nhu cầu lao động, Công ty tiến hành thi tuyển với các tiêu chí đặt ra gồm: trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đạt yêu cầu từ khá trở lên.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm việc của CBCNV. Công ty thường xuyên cử các cán bộ đi đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tư vấn giám sát, đấu thầu, quản lý dự án, tin học và ngoại ngữ.

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo tại nơi làm việc: hình thức này được áp dụng phổ biến cho công nhân trực tiếp sản xuất. Công nhân mới vào, tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.
- Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

c. Chính sách lương và thưởng

Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, hàng năm Công ty tiến hành bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng theo các cấp: cấp Công ty - cấp Tổng công ty

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 06/2010 là 4.000.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

Cổ tức sẽ được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã thông qua các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu đã thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết về việc này.

Tình hình chi trả cổ tức tại MCV trong năm 2008-2009 và năm 2010 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Lợi nhuận sau thuế	9.661.880.927	8.444.297.985	8.131.438.025
2	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	85,57%	76,37%	-
3	Tỷ lệ cổ tức	12%	8%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

Kế hoạch năm 2010 của MCV dự kiến là trả cổ tức 8% trên vốn điều lệ 120.610.060.000 đồng. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong những năm qua được đánh giá là hợp lý, đảm bảo lợi ích của cổ đông đồng thời vẫn có được nguồn vốn tái đầu tư phục vụ cho kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà xưởng, vật kiến trúc: 5 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị: 5 - 12 năm
- Phương tiện vận tải: 5 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 5 - 10 năm

b) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động đến 12/2010 là 4.000.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2009, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên theo quy định của Nhà nước.

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ năm 2008, 2009 và 2010 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Quỹ	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Quỹ dự phòng tài chính	515.180.371	515.180.371	515.180.371
Quỹ đầu tư và phát triển	515.180.371	515.180.371	515.180.371
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	66.085.047	(264.351.906)	(394.995.008)
Lợi nhuận chưa phân phối	12.768.232.920	8.441.381.358	16.045.564.852
TỔNG CỘNG	13.864.678.709	9.207.390.194	16.680.930.586

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

f) Tổng dư nợ vay ngắn hạn

Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng dư nợ vay ngắn hạn của Công ty như sau:

❖ **Vay và nợ ngắn hạn:** 125.881.786.995 đồng, cụ thể như sau:

☞ Vay Ngân hàng: **112.975.664.995 đồng**

☞ Vay khác: **12.906.122.000 đồng**

❖ **Vay và nợ dài hạn:** 16.085.345.321 đồng.

g) Tình hình công nợ hiện nay

✚ **Các khoản phải thu:**

Số liệu hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Phải thu từ khách hàng	24.727.120.775	27.841.448.561	53.513.215.002
Trả trước cho người bán	3.569.794.568	4.757.644.307	8.557.530.173
Phải thu khác	1.676.829.848	28.061.362.197	10.659.840.574
TỔNG CỘNG	29.973.745.191	60.660.455.065	72.730.585.749

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

Số liệu công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Phải thu từ khách hàng	24.727.120.775	27.841.448.561	53.513.215.002
Trả trước cho người bán	3.569.794.568	4.757.644.307	8.557.530.173
Phải thu khác	1.676.829.848	28.061.362.197	14.539.593.574
TỔNG CỘNG	29.973.745.191	60.660.455.065	76.610.338.749

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC năm 2010 của MCV

✚ Các khoản phải trả:

Số liệu hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
	Tổng số	Tổng số	Tổng số
Nợ ngắn hạn	168.277.513.005	185.890.393.542	267.788.114.980
1.Vay và nợ ngắn hạn	56.684.580.641	74.353.068.524	125.881.786.995
2.Phải trả cho người bán	36.977.103.513	38.923.572.951	42.426.070.843
4.Người mua trả tiền trước	62.577.574.579	64.821.635.308	79.715.278.852
5.Thuế và các khoản phải nộp NN	2.443.018.499	5.460.763.406	9.340.766.843
6.Phải trả người lao động	5.587.966.504	-	2.216.332.500
7. Chi phí phải trả	2.333.800.028	260.054.924	2.412.540.439
8.Các khoản phải trả nội bộ	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.607.384.194	2.335.650.335	6.190.333.516
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
11.Quỹ khen thưởng phúc lợi	66.085.047	(264.351.906)	(394.995.008)
Nợ dài hạn	26.012.097.328	82.108.434.873	16.085.345.321
Vay và nợ dài hạn	26.012.097.328	18.078.434.873	15.980.305.688
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	105.039.633
Doanh thu chưa thực hiện	-	64.030.000.000	-
Tổng nợ phải trả	194.289.610.333	267.998.828.415	283.873.460.301

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

Số liệu công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
	Tổng số	Tổng số	Tổng số
Nợ ngắn hạn	168.277.513.005	185.890.393.542	267.149.151.980
1.Vay và nợ ngắn hạn	56.684.580.641	74.353.068.524	125.881.786.995
2.Phải trả cho người bán	36.977.103.513	38.923.572.951	42.421.030.843
4.Người mua trả tiền trước	62.577.574.579	64.821.635.308	79.715.278.852
5.Thuế và các khoản phải nộp NN	2.443.018.499	5.460.763.406	9.340.766.843

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
	Tổng số	Tổng số	Tổng số
6. Phải trả người lao động	5.587.966.504	-	1.582.409.500
7. Chi phí phải trả	2.333.800.028	260.054.924	2.412.540.439
8. Các khoản phải trả nội bộ	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.607.384.194	2.335.650.335	6.190.333.516
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	66.085.047	(264.351.906)	(394.995.008)
Nợ dài hạn	26.012.097.328	82.108.434.873	16.085.345.321
Vay và nợ dài hạn	26.012.097.328	18.078.434.873	15.980.305.688
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	105.039.633
Doanh thu chưa thực hiện	-	64.030.000.000	-
Tổng nợ phải trả	194.289.610.333	267.998.828.415	283.234.497.301

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC năm 2010 của MCV

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số	Đơn vị	2008	2009	2010
1. Chỉ số về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ NH	Lần	1,19	1,48	1,37
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ NH	Lần	0,23	0,40	0,43
2. Chỉ số về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,67	0,58
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,50	2,03	1,36
3. Chỉ số về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	0,74	0,67	0,65
- Vòng quay tổng tài sản:	Vòng	0,46	0,38	0,37
4. Chỉ số về khả năng sinh lời				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,55%	5,51%	4,90%

Chỉ số	Đơn vị	2008	2009	2010
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,45%	6,38%	3,90%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,98%	2,11%	1,65%
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7,73%	6,56%	6,85%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, và BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Trần Mạnh Hùng	08/11/1963	010825857	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Phan Văn Hiếu	16/02/1965	011940099	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
3	Nguyễn Bá Ngọc	23/02/1970	012816146	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4	Phạm Minh Phúc	28/09/1977	012936412	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5	Phạm Đình Sơn	12/07/1974	011850145	Ủy viên Hội đồng Quản trị
6	Nguyễn Lương Đức	02/01/1971	011922450	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Sơ yếu lý lịch

1. Ông Trần Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: TRẦN MẠNH HÙNG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1963
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMTND số: 010825857, ngày cấp: 20/03/2002, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức Lạc - Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Số 14 A ngõ 123A, Phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 7854186
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật lý, Cử nhân kinh tế đối ngoại

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
09/1986 - 08/1990	Kỹ sư viện nguyên tử quốc gia Hà Nội
08/1990 – 1991	Công tác tại tập đoàn Nomura Nhật Bản
1991 – 01/1993	Công ty Investip
01/1993 - 01/1996	Giám đốc Công ty Việt Thành - Hà Nội
01/1996 - 09/1999	Cán bộ phòng kế hoạch - Công ty XD Lũng Lô Giám đốc dự án xây dựng thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi, Liên danh Tapbo - Lũng Lô
09/1999 - 10/2001	Tổng giám đốc Công ty liên doanh Cavico Việt Nam
10/2001 - 03/2002	Tổng giám đốc Công ty Cavico Việt Nam
03/2002 - 06/2006	Ủy viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam Phó TGD Công ty Cavico Việt Nam
06/2006 đến nay	- Ủy viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam - Thành viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng.

- Chức vụ công tác hiện nay:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam
- Phó Tổng giám đốc Công ty Cavico Việt Nam

- Số cổ phần nắm giữ: 13.361 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 13.361 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2. Ông Phan Văn Hiếu – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **PHAN VĂN HIẾU**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/02/1965
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMTND số: 011940099, ngày cấp: 03/04/1996, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoa Thành - Yên Thành - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 304, 24T2 phường Trung Hoà Nhân Chính, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 768 40 20
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ và đơn vị công tác
09/1986 – 1990	Sỹ quan tiểu đoàn 26, sư đoàn 304, Quân đoàn 2
1990 – 1994	Công ty du lịch Hà Nội
1994 – 1997	Công ty xây dựng Lũng Lô
1997 – 2001	Liên doanh Tapo Lũng Lô
2001 - 06/2006	- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cavico Việt Nam - Phó Tổng giám đốc Công ty Cavico Việt Nam
06/2006 đến nay	- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cavico Việt Nam - Phó Tổng giám đốc Công ty Cavico Việt Nam - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cavico Việt Nam
 - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Phó Tổng giám đốc Công ty Cavico Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 4.778 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.778 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3. Ông Nguyễn Bá Ngọc – Thành viên HĐQT

Họ và tên: NGUYỄN BÁ NGỌC

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/02/1970
- Nơi sinh: xã Ngọc Sơn - huyện Thanh Chương - tỉnh Nghệ An.
- CMTND số: 012816146, ngày cấp: 19/07/2005, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Ngọc Sơn - huyện Thanh Chương - tỉnh Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Số 29, 263/18, Nguyễn Trãi - phường Thanh Xuân Trung - quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 7854186
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ và đơn vị công tác
4/1992 - 1/1993	Làm việc tại Bộ môn Lịch sử Việt Nam cận hiện đại - Khoa Lịch sử - trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
1/1993 - 11/1993	Phóng viên báo Doanh Nghiệp
11/1993 - 1/1995	Phóng viên báo Diễn đàn Doanh nghiệp
1/1995 – 1996	Phóng viên thường trú báo Tuổi trẻ TP HCM tại Hà Nội
1996 – 1999	Trưởng đại diện của nhóm Thời báo Kinh tế Sài Gòn tại Hà Nội
1999 – 2000	Thư ký Toà soạn kiêm Trợ lý Tổng biên tập báo Diễn đàn Doanh nghiệp, thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
2000 đến nay	- Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty Truyền thông Ngôi Sao (nay là Công ty Cổ phần Truyền thông NBN, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc) - ủy viên BCH Hội Doanh nghiệp trẻ TP Hà Nội
Từ 07/2006 đến nay	Kiểm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty Truyền thông Ngôi Sao (nay là Công ty Cổ phần Truyền thông NBN, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc)
 - Ủy viên BCH Hội Doanh nghiệp trẻ TP Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ: 13.370 Cổ phần

Trong đó: + *Sở hữu cá nhân:* 13.370 cổ phần

 + *Đại diện sở hữu:* không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4. Ông Phạm Minh Phúc – Thành viên HĐQT

Họ và tên: PHẠM MINH PHÚC

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1977
- Nơi sinh: Lạc Long - Kim Môn - Hải Dương
- CMTND số: 012936412, ngày cấp: 08/03/2007, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lạc Long - Kim Môn - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: P401 - Số nhà 222D - Ngõ 260 - Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (+84) -37684020
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu hầm

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, vị trí công tác
08/2000 - 08/2003	Đội phó kỹ thuật Công ty cầu 7
08/2003 – 01/2004	Nhân viên Cavico Cầu Hầm
01/2004 – 08/2004	Phó QLDA Buôn Kuốp, Cavico Cầu Hầm
08/2004 - 03/2006	QLDA Buôn Kuốp, Cavico Cầu Hầm
03/2006 - 12/2006	Phó Giám đốc kiêm QLDA Cavico Cầu Hầm
12/2006 - 10/2008	Giám đốc Cavico Cầu Hầm
10/2008 – 11/2009	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Cavico Việt Nam kiêm Ủy viên HĐQT Cavico Mining
11/2009 – đến nay	Phó TGD Công ty TNHH Cavico Việt Nam kiêm Ủy viên HĐQT Cavico Mining

- Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Cavico Việt Nam.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Ủy viên HĐQT Công ty CP Cavico VN Khai thác mỏ và Xây dựng
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần
 - Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Đại diện sở hữu: không
 - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5. Ông Phạm Đình Sơn – Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Họ và tên: PHẠM ĐÌNH SƠN

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/07/1974
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMTND số: 011850145, ngày cấp: 19/11/2007, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nga Hải – Nga Sơn - Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: P312 – C2 – 34A Trần Phú, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 7854186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
05/1996 – 06/1996	Trợ lý Kế hoạch Công ty Xây dựng 25/3 Bộ Quốc Phòng
06/1996 – 02/2005	Trợ lý Kế hoạch Công ty Xây dựng Lũng Lô Bộ Quốc Phòng
02/2005 – 07/2008	Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH Cavico Việt Nam
07/2008 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Cavico VN Khai thác mỏ và Xây dựng

- Chức vụ công tác hiện nay:

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Ủy viên HĐQT Cavico Thương Mại
- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Ximăng Mai Sơn
- Thành viên BKS Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm (Vinavico)
- Thành viên BKS Công ty CP Cavico Xây dựng thủy điện
 - Số cổ phần nắm giữ: 166 Cổ phần

Trong đó: + *Sở hữu cá nhân: 166 cổ phần*

 + *Đại diện sở hữu: không*

 - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

6. Ông Nguyễn Lương Đức – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: NGUYỄN LƯƠNG ĐỨC

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMTND số: 011922450, ngày cấp: 08/10/2001, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Liêm – Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: D2 TT Bộ Công An - Hoàng Cầu - Ô Chợ Dừa - Đống Đa – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.7684101
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ máy thủy lực và tự động hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ và đơn vị công tác
1994 – 1996	Phó phòng Kỹ thuật – Công ty Hoàng Đạo
1996 – 1997	Quản trị mạng máy tính – Văn phòng Kiến trúc sư trưởng HN

1997 – 2000	Quản lý vật tư – Liên danh Tapo – Lũng Lô
2000 – 2002	Trưởng phòng Thiết bị Vật tư – Cavico Việt Nam
2002 – 03/2008	Giám đốc Công ty Cavico Thương Mại Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng
03/2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cavico Việt Nam Thương Mại
07/2008 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cavico VN Khai thác mỏ và Xây dựng Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Cavico Mỏ
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico VN Khai thác mỏ và Xây dựng

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các công ty khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cavico Thương mại

- Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

Nguyễn Thị Lương Thanh – em gái, số cổ phần nắm giữ: 8 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Đặng Xuân Hiến	12/03/1973	151037048	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trần Mạnh Sánh	17/10/1950	010969107	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Phi Tiến Chung	03/09/1982	172205367	Thành viên Ban Kiểm soát

Sơ yếu lý lịch

1. Ông Đặng Xuân Hiến – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: ĐẶNG XUÂN HIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/03/1973
- Nơi sinh: Điệp Nông, Hưng Hà, Thái Bình
- CMTND số: 151037048, ngày cấp: 28/11/2003, nơi cấp: Công an Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Điệp Nông, Hưng Hà, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Điệp Nông, Hưng Hà, Thái Bình
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (+84) - 37684020
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, vị trí công tác
08/2003 – 01/2005	Nhân viên phòng Kế hoạch Cavico Việt Nam
01/2005 – 04/2007	Phó phòng Hành chính Cavico Việt Nam
04/2007 đến nay	Trưởng phòng Pháp chế
03/2009 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Cavico Mining

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Trưởng ban Kiểm soát Cavico Mining
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Trưởng Phòng Pháp chế Công ty TNHH Cavico Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 1.016 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1.016 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2. Ông Trần Mạnh Sánh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: TRẦN MẠNH SÁNH

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 17/10/1950
 - Nơi sinh: Ý Yên, Nam Định
 - CMTND số: 010969107, ngày cấp: 04/07/2008, nơi cấp: Công an Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Ý Yên, Nam Định
 - Địa chỉ thường trú: phòng 901, toà nhà hỗn hợp Sông Đà, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (+84) - 37684020
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, vị trí công tác
05/1971 - 10/1976	Đi bộ đội
10/1976 - 05/1981	học Đại học Tài Chính Kế Toán
05/1981 – 03/1993	Phó Kế toán trưởng Công ty 500 xe Tổng Công ty Sông Đà
03/1993 – 05/2001	Kế toán trưởng kho bạc Nhà nước, Cục đầu tư Hà Nam
05/2001 - 03/2005	Kế toán trưởng Xí nghiệp Sông Đà 905
08/2005 đến nay	Phó phòng Kế toán Cavico Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay:
- Phó Phòng Kế toán Công ty TNHH Cavico Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng

- Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3. Ông Phi Tiến Chung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **PHI TIẾN CHUNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1982
- Nơi sinh: Hà Trung, Thanh Hoá
- CMTND số: 172205367, ngày cấp: 26/06/2003, nơi cấp: Công an Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Lâm, Hà Trung, Thanh Hoá
- Địa chỉ thường trú: TT Rừng Thông, Đông Sơn, Thanh Hoá
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (+84) - 37854186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, vị trí công tác
07/2006 – 05/2008	NV kế toán Phòng Tài chính - Kế toán Cavico Khai thác mỏ và Xây dựng
05/2008 đến nay	Phó phòng Kế toán Cavico Khai thác mỏ và Xây dựng

- Chức vụ công tác hiện nay:
- Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Phạm Đình Sơn	12/07/1974	011850145	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Lương Đức	02/01/1971	011922450	Phó Tổng Giám đốc
3	Ngô Gia Khánh	06/10/1971	145208975	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Thanh Long	07/02/1957	070827839	Phó Tổng Giám đốc
5	Phạm Văn Giang	16/3/1977	011940279	Phó Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch

1. Ông Phạm Đình Sơn – Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

(Đã được trình bày tại phần HĐQT)

2. Ông Nguyễn Lương Đức – Phó Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

(Đã được trình bày tại phần HĐQT)

3. Ông Ngô Gia Khánh – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **NGÔ GIA KHÁNH**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/10/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMTND số: 145208975, ngày cấp: 08/11/2002, nơi cấp: Công an Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đoàn Kết - Thanh Miện - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Phùng Chí Kiên, Mỹ Hào, Hưng Yên
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 7854186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: CD Kinh tế thủy lợi

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
05/1995 – 09/1996	Nhân viên Phòng Kế hoạch Xí nghiệp 7 Công ty 319 QK3
10/1996 – 10/2000	Cán bộ Kỹ thuật Xí nghiệp 25/03 Công ty Lũng Lô, BTL Công Bình
11/2000 – 12/2001	Phó QLDA đường Chiềng Khoang – Nậm Ét, Sơn La – Công ty TNHH Cavico Việt Nam
01/2001 – 09/2003	QLDA đường Bắc Bình Đại Ninh Công ty TNHH Cavico VN
10/2003 – 04/2006	QLDA Thủy điện Đại Ninh – Bắc Bình Công ty Cavico Cầu Hàm
05/2006 – 10/2008	QLDA Thủy điện Bảo Lộc – Công ty Cavico Cầu Hàm
11/2008 – 05/2009	QLDA Hồ chứa nước Tả Trạch Thừa Thiên Huế - Công ty Cavico Mining
13/05/2009 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cavico Mining

- Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4. Ông Trần Thanh Long – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: TRẦN THANH LONG

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 07/02/1957

- Nơi sinh: Hà Nội

- CMTND số: 070827839, ngày cấp: 26/9/2006, nơi cấp: CA Tuyên Quang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Đức Long, Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Số 4/418 La Thành Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, HN
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (+84) - 37684020
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Sỹ quan quân đội

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, vị trí công tác
07/2003 – 12/2003	Trưởng bộ phận Công ty TNHH Cavico Việt Nam
01/2004 – 06/2005	Trưởng Bộ phận Công ty Cavico Mining
06/2005 – 12/2007	Quản lý dự án Thủy điện Tuyên Quang Công ty Cavico Mining
12/2007 – 01/2010	Quản lý dự án Núi Béo, Công ty Cavico Mining
01/2010 – đến nay	Quản lý dự án Núi Béo, kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cavico Mining

- Chức vụ công tác hiện nay:
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5. Ông Phạm Văn Giang – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **PHẠM VĂN GIANG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/3/1977
- Nơi sinh: Gia Phương, Gia Viễn, Ninh Bình
- CMTND số: 011940279, ngày cấp: 27/5/2002, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Phương, Gia Viễn, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 1006 Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, Hà Nội

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 7854186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Xây dựng Cầu đường

- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
2001 -2003	Phòng kế hoạch Công ty Xây dựng Lũng Lô – Bộ Quốc phòng
2003 – 2006	Du học tại Úc
2006 – 2009	Phòng Kế hoạch Công ty TNHH Cavico Việt Nam
01/2010 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cavico Mining

- Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng thị trường Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 Cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: không

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12.4. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Trần Văn Lưu	19/12/1979	013091352	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch

Ông Trần Văn Lưu – Kế toán trưởng

Họ và tên: TRẦN VĂN LƯU

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/12/1979
- Nơi sinh: Hưng Yên

- CMTND số: 013091352, ngày cấp: 06/05/2010, nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đội 1 Xã Liên Phương, Thị xã Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Miêu Nha, Tây Mỗ, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 7854186
- Trình độ văn hóa 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, đơn vị công tác
01/2001- 02/2003	Nhân viên Kế toán, làm việc tại Công ty Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á.
03/2003 - 03/2004	Nhân viên kế toán, Làm việc tại Công ty TNHH CAVICO Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây Dựng.
04/2004 - 06/2006	Phó phòng kế toán, làm việc tại Công ty TNHH CAVICO Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.
07/2006 - 09/2006	Phó phòng kế toán, làm việc tại Công ty Cổ phần CAVICO Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng.
10/2006 – nay	Kế toán trưởng, làm việc tại Công ty Cổ phần CAVICO Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng.

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Kế toán trưởng Công ty CP Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng
 - Số cổ phần nắm giữ: 9 Cổ phần
- Trong đó: + *Sở hữu cá nhân: 9 cổ phần*
- + *Đại diện sở hữu: không*
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2010.

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	5.185.915.695	2.994.410.995	57,74%
2	Máy móc thiết bị	64.584.998.551	18.735.778.019	29,01%
3	Phương tiện vận tải	98.115.424.703	24.425.134.114	24,89%
4	Thiết bị quản lý	1.167.268.976	285.816.164	24,49%
	Cộng	169.053.607.925	46.441.139.292	27,47%

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2010 của MCV

Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2010: Không có.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm 2011 và 2012

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị	Tăng giảm so với 2010	Giá trị	Tăng giảm so với 2011
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	180,61	150%	180.610	0%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	206,00	24,23%	258,00	0%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	12,60	54,98%	14,40	14%
Tỷ lệ lợi nhuận/Doanh thu thuần	6,11%	1,21%	5,5%	(0,61%)
Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	6,98%	0,24%	7,97%	0,99%
Cổ tức (%)	9,00%	1%	10,00%	1%

Nguồn: MCV

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cavico Việt nam Khai thác mỏ và Xây dựng cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy Công ty Cổ phần Cavico Việt nam Khai thác mỏ và Xây dựng luôn phát huy thế mạnh là Công ty khai thác mỏ và kinh doanh xây lắp hàng đầu trong hệ thống các công ty thành viên của Cavico Việt Nam, cùng với

kế hoạch đầu tư các công trình xây lắp đang triển khai. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2010 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần**
3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: **6.030.503 cổ phiếu**
 - Cổ đông hiện hữu: 6.030.503 cổ phiếu
4. Giá chào bán dự kiến
 - Cổ đông hiện hữu: Không thấp hơn **12.000 đồng/cổ phiếu**, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá bán phù hợp trên cơ sở giá giao dịch cổ phiếu tại thời điểm phát hành, đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và Công ty.
5. Phương pháp tính giá
 - a) Căn cứ theo mệnh giá
 - Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: Mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu không thấp hơn 12.000 đồng/cổ phần, bằng với 120% mệnh giá một cổ phần.
 - b) Căn cứ theo giá trị sổ sách
 - Giá trị sổ sách (Book value) của cổ phiếu Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng tại thời điểm 31/12/2010 là :

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Cổ phiếu đã phát hành}} = \frac{208.691.613.915}{12.061.006} = 17.303 \text{ (đồng/cp)}$$

Căn cứ giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và tình hình thị trường, để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã nhất trí thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là không thấp hơn 12.000 đồng/cổ phần, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá bán phù hợp trên cơ sở giá giao dịch cổ phiếu tại thời điểm phát hành, đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và Công ty.

6. Phương thức phân phối

Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Công ty sẽ chào bán 6.030.503 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu theo phương thức phân phối như sau:

- Số lượng cổ phần: 6.030.503 cổ phiếu, bằng 50% tổng số lượng cổ phiếu chào bán (Giá trị tính theo mệnh giá: 60.305.030.000 đồng).
- Đối tượng chào bán: Toàn bộ các cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong Danh sách tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền.

- Giá chào bán: Không thấp hơn **12.000 đồng/cổ phiếu**, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá bán phù hợp trên cơ sở giá giao dịch cổ phiếu tại thời điểm phát hành, đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và Công ty.
- Tỷ lệ phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 02 quyền mua sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm theo phương pháp làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ sẽ được ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ về cổ phiếu lẻ: Cổ đông Nguyễn Văn A vào ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu sở hữu 1001 cổ phần thì quyền mua sẽ là $1001:2=500,5$. Trong trường hợp này, cổ đông Nguyễn Văn A có được 500 quyền mua cổ phần và được quyền mua 250 cổ phiếu phát hành thêm. Số quyền mua cổ phần lẻ (0,5 quyền mua cổ phần) sẽ được đề xuất giao cho HĐQT xử lý.

Xử lý số cổ phiếu còn lại sau khi kết thúc thời hạn chào bán cho cổ đông hiện hữu

Đề đợt chào bán thành công, số cổ phiếu còn lại (bao gồm số quyền mua cổ phần lẻ khi thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và số cổ phần cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua/chuyển quyền mua) sau khi kết thúc thời hạn chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho đối tượng khác với điều kiện không ưu đãi hơn so với các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu. Các cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng.

7. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán:

Nếu phương án chào bán thành công với giá chào bán thấp nhất, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ thu được 72,4 tỷ đồng. Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ cho các dự án đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm huy động từ các nguồn vốn kinh doanh khác đảm bảo cho các dự án được triển khai đúng kế hoạch.

8. Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán.

9. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Công bố báo chí:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, tổ chức

phát hành sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông, ngày giao dịch không hưởng quyền và ngày thực hiện quyền.

❖ **Đăng ký mua cổ phiếu:**

2.1. Các cổ đông hiện tại đăng ký mua

○ ***Xác định Danh sách sở hữu cuối cùng***

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLKCKVN) lập Danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về ngày chốt danh sách.

○ ***Phân bổ và thông báo quyền mua***

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng TTLKCKVN phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phần đến các thành viên lưu ký, các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu.

○ ***Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần:***

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCKVN cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành.

Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng tối thiểu 20 ngày kể từ ngày SDGCK phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

○ ***Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:***

Quyền mua được thực hiện chuyển nhượng trong vòng 18 ngày kể từ ngày thông báo Danh sách phân bổ quyền thông qua thành viên lưu ký.

Việc chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.

○ ***Tổng hợp thực hiện quyền:***

Trong 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCKVN gửi Danh sách tổng hợp thực hiện quyền cho tổ chức phát hành.

❖ **Xử lý trường hợp khối lượng cổ phần không phân phối hết và cổ phiếu lẻ:**

Để đợt chào bán thành công, số cổ phiếu còn lại (bao gồm số quyền mua cổ phần lẻ khi thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và số cổ phần cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua/chuyển nhượng quyền mua) sau khi kết thúc thời hạn chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho đối tượng khác với điều kiện không ưu đãi hơn so với các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu. Các cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng.

❖ **Báo cáo kết quả phát hành:**

Toàn bộ số tiền mua cổ phần của đợt phát hành thêm sẽ được nộp vào tài khoản phong toả được mở cho đợt phát hành (Ngân hàng mở tài khoản và số tài khoản được nêu trong mục “12 - Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu” của Bản cáo bạch này). Trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành sẽ lập báo cáo chào bán cổ phiếu gửi UBCKNN.

❖ **Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm**

Sau khi Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh ra quyết định niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành, tổ chức phát hành sẽ thực hiện các thủ tục đăng lý lưu ký để cổ phiếu phát hành thêm được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

❖ **Trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần**

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian phân phối, tổ chức phát hành hoàn tất thủ tục trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài

Điều lệ của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ “tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng”. Như vậy, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của Công ty.

11. Các loại thuế có liên quan

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

b. Thuế giá trị gia tăng

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động của Công ty áp dụng thống nhất là 10%

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng trong thời gian quy định, và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Nghĩa là người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng lại cho người thứ 02.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tên Ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam, CN Đống Đa, HN
Địa chỉ:	187 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
Số tài khoản:	179010000002473
Số điện thoại:	04.38.515.402

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Nếu phương án chào bán thành công với giá chào bán thấp nhất, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ thu được 72,4 tỷ đồng. Số tiền này được sử dụng đầu tư cho các dự án: Dự án Tòa nhà VEC – CAVICO, Dự án thăm dò, khảo sát và khai thác mỏ kim loại Muong Hom, Dự án Nhà máy Điện gió Cầu Đất và bổ sung vốn trung hạn và lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ cho các dự án đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm huy động từ các nguồn vốn kinh doanh khác đảm bảo cho các dự án được triển khai đúng kế hoạch.

2. Phương án khả thi

2.1. DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TÂN MỸ

Ngày 03/02/2010, Công ty Cổ phần Cavico Thủy điện Tân Mỹ Trang An đã trở thành công ty con của MCV với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/09/2010, MCV đã góp đủ số vốn 12.750.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Cavico Thủy điện Tân Mỹ Trang An để thực hiện dự án.

2.2. DỰ ÁN TÒA NHÀ VEC – CAVICO

a) Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết hội đồng thành viên Công ty TNHH Cavico Việt Nam số 07-NQ/HĐTV ngày 17/09/2010 về chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng lô 4E – Cầu Giấy;
- Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng lô 4^E – Cầu Giấy giữa Công ty TNHH Cavico Việt Nam và MCV ngày 20/09/2010;
- Quyết định số 4734/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 25/10/2006 phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất khi giao đất có thời hạn 50 năm cho các ô đất thuộc lô E – Khu đô thị mới Cầu Giấy cho các Tổng Công ty và Công ty lớn đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết để xây dựng trụ sở làm việc theo nguyên tắc giá thị trường;
- Công văn số 1183/QHKT-P1 của Sở Quy hoạch – Kiến Trúc Hà Nội ngày 22/12/2006 thông báo cho Công ty Đầu tư và Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) về chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc trong khu Trụ sở các Tổng Công ty tại khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội (Từ lô E3 đến lô E9);
- Biên bản ghi nhớ (MOU) về dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng lô E4 – Cầu Giấy giữa Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC), Công ty TNHH Cavico Việt Nam, và Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng (MCV) ngày 31/05/2007;
- Công văn số 542/QHKT-P1 của Sở Quy hoạch và Kiến trúc Hà Nội gửi Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 12/02/2010 về Quy hoạch tổng mặt bằng và phương án thiết kế sơ

bộ kiến trúc công trình Trụ sở Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam tại ô E4 Khu Trụ sở các Tổng Công ty tại khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội;

- Công văn số 1613/UBND-XD ngày 12/03/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đồng ý về nguyên tắc Quy hoạch tổng mặt bằng và phương án thiết kế sơ bộ kiến trúc công trình Trụ sở Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam tại ô E4 Khu Trụ sở các Tổng Công ty tại khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội.

b) Thông tin dự án

- Tên công trình: Trụ sở Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam – VEC
- Địa điểm: Lô E4, khu đô thị mới Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội



- Mục tiêu: Xây dựng trụ sở Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam – VEC phục vụ việc phát triển và kinh doanh của Tổng Công ty (theo chấp thuận của Sở Quy hoạch và Kiến trúc thành phố Hà Nội tại văn bản số 1147/QHKT-P1 ngày 16/04/2010).
- Thời gian hoạt động của dự án : 50 năm
- Quy mô đầu tư:
 - Tổng mức đầu tư dự kiến: 655,599 tỷ đồng 100%
 - Vốn tự có 327.8 tỷ đồng 50%
 - Vốn vay dài hạn ngân hàng 327,799 tỷ đồng 50%
 - Diện tích khu đất: 4.180 m²
 - Diện tích xây dựng: 1.540 m²
 - Mật độ xây dựng: 36,8 %
 - Tổng diện tích sàn : 34.553 m² (không kể phần hầm). Diện tích 03 tầng hầm là 8.997 m²
 - Tầng cao công trình: 30 tầng và 03 tầng hầm
 - Cấp công trình: Cấp I

- Bậc chịu lửa: Bậc I – TCVN 6160-1996
- Dự án Tòa nhà VEC-CAVICO đang trong giai đoạn xin phép xây dựng, xin giao đất, lập thiết kế và xin phép xây dựng. Các đơn vị đầu tư vào dự án này cần nộp đầy đủ tiền sử dụng đất và chi phí giải phóng mặt bằng để đủ điều kiện thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án trên vẫn đang trong quá trình chờ cấp phép.
- Phân loại theo diện tích công năng sử dụng:
 - Diện tích dịch vụ căng tin: 785 m²
 - Diện tích dịch vụ trung bày, giới thiệu: 700 m²
 - Diện tích dịch vụ hội nghị, hội thảo: 700 m²
 - Diện tích văn phòng làm việc: 22,658 m²
- Nhu cầu vốn dự kiến của năm 2010 của dự án: 65,56 tỷ đồng (hoàn toàn là vốn tự có)
- Theo Biên bản ghi nhớ ngày 25/01/2007 giữa Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC), Công ty TNHH Cavico Việt Nam và MCV, các bên thống nhất thành lập một Công ty cổ phần để thực hiện dự án với vốn điều lệ 62 tỷ đồng. Trong đó, VEC, Cavico Việt Nam và MCV lần lượt đăng ký góp vốn điều lệ theo tỷ lệ tương ứng 51%, 24%, và 25%.

Tại ngày 20/09/2010, Công ty TNHH Cavico Việt Nam đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng 24% vốn điều lệ của dự án đang nắm giữ cho MCV, nâng phần vốn góp của MCV tại dự án là 49% tương đương 30,38 tỷ đồng. Tuy nhiên, căn cứ công văn số 542/QHKT-P1 và 1613/UBND-XD được đề cập ở trên, không gian kiến trúc của dự án được UBND thành phố Hà Nội cho phép điều chỉnh mở rộng. Vì vậy, mức vốn đầu tư dự kiến của dự án có tăng thêm. Như vậy, mặc dù vẫn giữ tỷ lệ góp vốn vào dự án là 49% nhưng số tiền vốn góp MCV đăng ký được tính toán tăng lên thành 35 tỷ đồng. Theo báo cáo 09 tháng đầu năm 2010, số tiền thực góp của MCV vào dự án là 2,09 tỷ đồng

c) Tiến độ dự kiến của dự án:

Danh mục công việc	Thời gian
Xin cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án, xin giao đất	Quý I/2011 – Quý II/2011
Lập thiết kế, dự toán. Xin phép xây dựng. Tổ chức đấu thầu, khởi công xây dựng	Quý I/2011 – Quý II/2011
Xây dựng phần thô công trình	Quý III/2011-Quý II/2012
Xây dựng phần hoàn thiện công trình	Quý III/2012 – Quý IV/2012
Lắp đặt trang thiết bị, nội thất, hạ tầng kỹ thuật	Quý IV/2012
Bàn giao đưa công trình vào sử dụng	Cuối năm 2012

2.3. DỰ ÁN THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC MỎ KIM LOẠI MUONG HOM

a) Cơ sở pháp lý

- Biên bản ghi nhớ giữa Cavico Việt Nam và Moung Hom mining Limited và Lao Yongcharoen trading export – import Co.,Ltd về Hợp tác đầu tư, thăm dò khảo sát, khai thác các dự án mỏ tại Lào ngày 10/12/2007;
- Hợp đồng Liên doanh ký ngày 05/01/2008 thành lập Công ty TNHH Cavico Muong Hom Phát triển Khoáng sản (**CMM**) tại Lào với vốn đăng ký ban đầu là 20.000.000 USD với mục đích thăm dò khảo sát, khai thác và chế biến kim loại quặng đồng và các quặng khác theo chủ trương của Nhà nước Lào. Cavico Việt Nam góp 15.600.000 USD tương đương 78%.
- Hợp đồng tìm kiếm và thăm dò khảo sát quặng đồng ngày 22/04/2009 tại bản Nam Khung, Huyện Muong Hô, Viên Chăn, Lào giữa Chính phủ Lào, Cavico Việt Nam và Công ty TNHH Muong Hom Mining;
- Giấy chứng nhận đầu tư nước ngoài số 284/BKH-ĐTRNN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam ngày 13/10/2009 chấp thuận cho Công ty TNHH Cavico Muong Hom Phát triển Khoáng sản được phép thăm dò khai thác quặng đồng trên diện tích 500m² tại bản Nam Khung, Huyện Muong Hô, Viên Chăn, Lào.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 051-09/KHĐT/Số 3 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào ngày 29/04/2009 chấp thuận cho Công ty TNHH Cavico Muong Hom Phát triển Khoáng sản được phép thăm dò khai thác quặng đồng trong thời hạn 06 năm.
- Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Cavico Muong Hom Phát triển Khoáng sản của Công ty TNHH Cavico Việt Nam cho Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và Xây dựng ký ngày 29/06/2010, theo đó Cavico Việt Nam chuyển 51/78 phần Cavico Việt Nam thực góp và 51/78 phần quyền Cavico Việt Nam góp vào CMM.
- Hợp đồng điều tra khoáng sản số 17-7/2009/HĐKT ngày 17/07/2009 giữa Công ty TNHH Cavico Việt Nam và Liên đoàn Intergeo.

b) Thông tin dự án



- Tên công trình: Dự án thăm dò, tìm kiếm và khai thác kim loại quặng đồng và quặng kim loại khác tại CHDCND Lào
- Vị trí địa lý: 500 km² tại bản Nam Khiên Huyện Muong Hom, Viên Chăn, CHDCND Lào.
- Quy mô đầu tư:
 - Tổng mức đầu tư: 20.000.000 USD
 - ♦ Đến thời điểm 12/08/2010, Cavico Việt Nam đã thực góp 795.801,75 USD vào CMM (xấp xỉ 16 tỷ đồng);
 - ♦ Dựa trên hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa Cavico Việt Nam và MCV, Cavico Việt Nam sẽ chuyển nhượng 51/78 phần vốn góp vào CMM cho MCV, tương đương với 10.200.000 USD. Nhu cầu vốn của MCV cho dự án trong năm 2010 là 50 tỷ đồng. Theo báo cáo 09 tháng đầu năm 2010, số tiền thực góp của MCV vào dự án là 15,99 tỷ đồng.
 - Diện tích khu khai thác: 500km²
- Theo báo cáo kết quả công tác thuộc địa do Liên đoàn Intergeo thuộc Đề án “ Tìm kiếm đồng và các khoáng sản khác khu vực bản Nam Khiên, Huyện Muong Hô, tỉnh Vientian, CHDCND Lào vào tháng 05 năm 2010, công tác điều tra khoáng sản bước đầu đã khoáng định được 01 đới khoáng hóa thạch anh – sulphur, 8 đới biến đổi thạch anh hóa, clorit hóa chứa khoáng hóa sulphur và 01 vài điểm khoáng hóa đơn lẻ, cụ thể:
 - *Đới I (vùng Phia Louang):* Phía bắc vùng công tác không chế bởi điểm khảo sát C.1605 và C.1609 gồm một đới thạch anh kích thước nhỏ 0,1 – 0,7 m, sơ bộ không chế được chiều rộng toàn đới là 4-6m theo hướng Tây bắc – Đông Nam. Thạch anh màu

trắng đục, ám khói, trong mạch thạch anh co xâm tán sulphur hạt nhỏ chủ yếu là pyrit, đới mạch cắm về đông bắc, dốc 50⁰.

- *Đới II (vùng Nam Pou – Bản Bo):* Phía đông vùng công tác khống chế bởi điểm khảo sát C.256/1 và C.266. Đới có bề dày 7m và chiều dài chưa khống chế hết. Đá phun trào biến đổi thạch anh hóa, clorit hóa màu xám lúc, xâm nhiễm nhiều sulphur hạt nhỏ.
- *Đới III (Đông Nam Pou – Bản Bo):* Phía đông vùng công tác khống chế bởi điểm khảo sát C.291 và C.292. Gồm đá phun trào axit đến trung tính bị biến đổi lục hóa xâm nhiễm sulphur hạt nhỏ.
- *Đới IV (Ph. Kouang Beng – Bản Bo):* Phía đông vùng công tác khống chế bởi điểm khảo sát C.271 và C.275. Với diện lộ rộng 6m, kéo dài không liên tục hướng đông bắc – tây nam, gồm đá granit biotit bị biến đổi trong đá xâm nhiễm sulphur hạt nhỏ.
- *Đới số V (Ph. Nam Pang – Bản Kiang):* Trung tâm vùng công tác, được khống chế bởi các điểm khảo sát C.1030 và C.1043. Với diện lộ rộng 10m, kéo dài không liên tục hướng đông bắc – tây nam, đới gồm đá diorit bị nứt nẻ, có các vi mạch thạch anh xuyên cắt. Theo các mặt khe nứt có xâm nhiễm sulphur chủ yếu là pyrit..
- *Đới số VI (H. Sam Sao – Bản Nam Khiên):* Trung tâm vùng công tác, được khống chế bởi các điểm khảo sát C.1060/1, C.1071 và C.1072. Đới gồm 1 mạch pegmatit nhỏ (0,3m) và đới đá granit horblen dày 13m, kéo dài không liên tục hướng đông bắc – tây nam khoảng 270m.
- *Đới số VII (ĐB bản Xiang Mi):* Đông nam vùng công tác, được khống chế bởi các điểm khảo sát C.617, C.247 và C.194. Đới vi mạch thạch anh trắng đục xuyên cắt gây biến đổi thạch anh hóa bề rộng thay đổi không đồng đều, rộng nhất khoảng 5m, kéo dài không liên tục hướng tây bắc – đông nam. Trong đá có xâm nhiễm sulphur chủ yếu pyrit.
- *Đới số VIII (Khu vực Phalavek):* Đông nam vùng công tác, được khống chế bởi các điểm khảo sát C.1104/1, C.1139. Mạch thạch anh trắng đục, ám khói kéo dài liên tục hướng tây bắc – đông nam với chiều dài 300m và rộng 30m. Trong đá có xâm nhiễm sulphur hạt nhỏ, mịn chủ yếu là pyrit.
- *Đới số IX (Khu vực B, Na Pho):* Đông nam vùng công tác, được khống chế bởi các điểm khảo sát C.247c, C.247b và C.642. Mạch thạch anh trắng đục, ám khói kéo dài liên tục hướng đông bắc – tây nam với rộng 7m. Trong đá có xâm nhiễm sulphur hạt nhỏ, mịn.
- *Ngoài ra còn một số đới nhỏ khác,* trong đó đá bị thạch anh hóa hoặc bị đập vỡ có xâm nhiễm sulphur.

- c) **Tình hình tiến độ dự án trong giai đoạn I: Tìm kiếm tổng thể 500km² tại bản Nam Khiên Huyện Muong Hom, Viên Chăn, CHDCND Lào do Liên đoàn Intergeo thực hiện**

TT	Công việc khảo sát tại	Thời gian thực hiện
1	Vùng Sam Sao – Huoay Xay	10/03/2010 – 08/04/2010
2	Vùng Hom Thad – Phalavek	10/03/2010 – 18/04/2010
3	Vùng Xiang Mi – Muang Long	09/04/2010 – 20/04/2010
4	Vùng Bousamka	21/04/2010 – 29/04/2010
5	Vùng Muang Bo – Nămon	22/04/2010 – 07/05/2010
6	Vùng Muang Ao Nua – Phualouang	22/04/2010 – 11/05/2010

Nguồn: Kết quả khảo sát của Liên đoàn Intergeo

- d) **Dự kiến tiến độ dự án trong giai đoạn II: Thăm dò khảo sát trên diện tích 500km² tại bản Nam Khiên Huyện Muong Hom, Viên Chăn, CHDCND Lào**

Giai đoạn II của dự án bao gồm các công việc có liên quan đến thăm dò, khảo sát trữ lượng khoáng sản, kim loại đồng trên diện tích 500 km² tại Huyện Muong Hom, Viên Chăn, Lào được thực hiện tối đa trong vòng 36 tháng kể từ khi kết thúc giai đoạn I của dự án.

- e) **Hiệu quả kinh tế**

- Tổng mức vốn đầu tư: 20.000.000 USD
- Trong đợt khảo sát giai đoạn I do Liên đoàn Intergeo thực hiện trên cơ sở hợp đồng thăm dò và khai thác khoáng sản với Cavico Việt Nam, phương án thăm dò được lập với tổ hợp các phương pháp kỹ thuật, các dạng công tác bổ sung cho nhau để phát hiện khoáng sản có hiệu quả. Hy vọng sau khi điều tra và đánh giá sẽ chọn được thân quặng đồng có triển vọng để thăm dò và tiến hành công tác khai thác, chế biến khoáng sản tiếp theo. Hiệu quả kinh tế của dự án phụ thuộc vào kết quả thăm dò thực tế trên diện tích thăm dò và khai thác đã được cấp phép.

2.4. DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ CẦU ĐẤT

- a) **Cơ sở pháp lý**

- Giấy Chứng nhận đầu tư số 42121000467 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành ngày 11/05/2009 chứng nhận Công ty Cổ phần Cavico Giao thông được phép đầu tư dự án Nhà máy điện gió Cầu Đất tại xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Giấy Chứng nhận đầu tư số 011032000801 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 31/02/2011 chứng nhận Công ty TNHH Cavico Việt Nam, Công ty Cổ phần Cavico Giao thông, và cá nhân ông Trần Vũ Thành thành lập doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cavico Năng lượng Tái tạo và thực hiện dự án đầu tư khai thác các dự án năng lượng tái tạo như thủy điện, điện gió, điện mặt trời, biogas)
 - Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Cavico Năng lượng Tái tạo: 240.000.000.000 đồng

- Vốn đăng ký góp của Công ty: 74.400.000.000 đồng
 - ♦ Vốn góp của Công ty TNHH Cavico Việt Nam: 24.000.000.000 đồng
 - ♦ Vốn góp Công ty Cổ phần Cavico Giao thông: 48.000.000.000 đồng
 - ♦ Vốn góp của cá nhân ông Trần Vũ Thành: 2.400.000.000 đồng
- Mục tiêu hoạt động của Công ty: điều hành dự án Nhà máy điện gió Cầu Đất tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Theo kế hoạch năm 2010 đối với dự án Nhà máy điện gió Cầu Đất, MCV sẽ xem xét và đầu tư vào dự án này. Trong trường hợp tham gia đầu tư, MCV sẽ thực hiện việc góp vốn bằng cách Công ty TNHH Cavico Việt Nam sẽ chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp trong dự án là 10% vốn điều lệ dự án, tương đương 24 tỷ đồng sang cho MCV. Bên cạnh đó, MCV sẽ đàm phán và tìm cách mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Cavico Năng lượng Tái tạo. Nhu cầu vốn góp của MCV trong giai đoạn 2010- 2011 sẽ là 25 tỷ đồng.

b) Thông tin dự án



- Tên công trình: Dự án Nhà máy điện gió Cầu Đất
- Vị trí địa lý: Xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với độ cao trung bình từ 1.540 – 1.630m. Dự án nằm trên mặt bằng tương đối cao so với địa hình đồi núi và không có vật cản gió lớn. Điều này rất thuận tiện cho việc phát triển dự án.
- Quy mô đầu tư:
 - Tổng mức đầu tư: 966.940.000.000 đồng
 - Diện tích đất: 10,8ha
 - Dự án Nhà máy điện gió Cầu Đất hiện đang trong giai đoạn Xin cấp phép, lập dự án,

đền bù GPMB. Các đơn vị đầu tư vào dự án này cần nộp đầy đủ tiền sử dụng đất và chi phí giải phóng mặt bằng để đủ điều kiện thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án vẫn đang trong quá trình chờ cấp phép.

- Các hạng mục công trình

STT	Thông số	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	Nhà máy điện		
1	Số lượng nhà máy điện		1
2	Diện tích đất bị ảnh hưởng	Ha	350
3	Diện tích mất đất vĩnh viễn	Ha	10,8ha
B	Các thông số kỹ thuật		
1	Tốc độ gió trung bình tại độ cao 60m	m/s	6,8
2	Tổng công suất nhà máy	MW	30
3	Số turbine	Cột	15
4	Turbine phát điện max	Mw/h	6.777
5	Turbine phát điện trung bình	Mw/h	4.449
6	Turbine phát điện min	Mw/h	2.357
7	Điện lượng trung bình hàng năm	Mw/h	66.754
8	Đời sống dự án	Năm	50

Nguồn: MCV

c) **Tình hình tiến độ và nhu cầu vốn dự kiến của dự án**

TT	Công việc	Thời gian dự kiến
1	Xin cấp phép, lập dự án, đền bù GPMB	Quý I/2011-Quý II/2011
2	Thi công các hạng mục công trình	Quý III/2011 – Quý IV/2011
3	Xuất nhập khẩu thiết bị	Quý I/2012 – Quý II/2012
4	Lắp Turbine, thiết bị và vận hành	Quý III/2012

Nguồn: MCV

d) **Hiệu quả kinh tế**

- Tổng mức vốn đầu tư: 966.940.000.000 đồng
- Hiệu quả tài chính của dự án:
 - Giá bán điện trung bình: 10 USD cent/kWh
 - Hệ số nội hoàn dự án IRR: 14,29%
 - Hệ số B/C: 1,377
 - Thời gian thu hồi vốn Thv: 13 năm

- Giá trị thu nhập ròng NPV: 354,45 tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi ích và chi phí: 1,36 lần

3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25 tháng 04 năm 2010, trong trường hợp đợt chào bán cổ phần thành công với giá chào bán thấp nhất (12.000 đồng/cổ phần), số tiền dự kiến thu được là 72,4 tỷ đồng. Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ cho các dự án đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT và Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm huy động từ các nguồn vốn kinh doanh khác đảm bảo cho các dự án được triển khai đúng kế hoạch. Cụ thể, với nhu cầu vốn 85,18 tỷ đồng trong năm 2010 và số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán 72,4 tỷ đồng nêu trên, MCV sẽ thực hiện bổ sung 12,78 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Công ty sẽ sử dụng số tiền dự kiến thu được trên từ đợt phát hành và số tiền huy động từ các nguồn khác để đầu tư vào các dự án và bổ sung vốn lưu động theo nhu cầu đầu tư trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2010, cụ thể như sau:

Bảng: Nhu cầu vốn cần huy động từ đợt phát hành

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Nhu cầu vốn	Vốn huy động từ đợt phát hành	Tiền huy động từ vốn chủ sở hữu
1	Dự án Tòa nhà VEC - CAVICO	30,00	30,00	-
2	Dự án thăm dò, khảo sát và khai thác mỏ kim loại Muong Hô	26,56	13,78	12,78
3	Dự án Nhà Máy Điện gió Cầu Đất	25,00	25,00	-
4	Bổ sung vốn trung hạn và lưu động phục vụ SXKD trực tiếp	3,62	3,62	-
	Cộng:	85,18	72,4	12,78

BẢNG: Tiến độ giải ngân vốn huy động cho các dự án

Stt	Tên dự án	2011			2012				2013		TỔNG
		Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	
1	Dự án Tòa nhà VEC - CAVICO	5,00	4,78	5,20	3,02	2,00	6,15	3,85	-	-	30,00
2	Dự án thăm dò, khảo sát và khai thác mỏ kim loại Muong Hô	2,60	2,80	1,70	1,72	1,96	1,50	1,50	5,30	7,48	26,56
3	Dự án Nhà Máy Điện gió Cầu Đất	6,00	1,90	2,60	5,80	5,50	3,20	-	-	-	25,00
4	Bổ sung vốn trung hạn và lưu động phục vụ SXKD trực tiếp	3,62	-	-	-	-	-	-	-	-	3,62
	Cộng:	17,22	9,48	9,50	10,54	9,46	10,85	5,35	5,30	7,48	85,18

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

a. Tổ chức tư vấn phát hành

- Tên : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)
 - Trụ sở chính : Tầng 01&05 Tòa nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Hà Nội
 - Điện thoại : (84.4) 3537 8010 Fax: (84.4) 3537 8005
- Chi nhánh Hồ Chí Minh
 - Địa chỉ : Số 41 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369
- Chi nhánh Đà Nẵng
 - Địa chỉ : Số 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 - Điện thoại : 0511 3525 777 Fax: 0511 3525 777
- Website : www.shs.com.vn

b. Tổ chức kiểm toán

- Tên : Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A
- Địa chỉ : Tầng 25, Tòa nhà M3M4, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
- Điện thoại : (84) 46266 3006 Fax: (84) 46266 3066
- Website : www.vietauditors.com.vn

VIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán 2008, 2009, Báo cáo tài chính năm 2010
5. **Phụ lục V:** Hồ sơ dự án doanh nghiệp đang huy động vốn
6. **Phụ lục VI:** Các tài liệu có liên quan khác



Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2011.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAVICO VIỆT NAM KHAI THÁC MỎ VÀ XÂY DỰNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG XUÂN HIẾN

TRẦN MẠNH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN LƯU

PHẠM ĐÌNH SƠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG VINH